Phật Giáo Việt Nam [Buddhism in Vietnam] (Chánh Trí Mai Thọ Truyền)

Lịch sử Phật giáo

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 1

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM BUDDHISM IN VIETNAM LE BOUDDHISME AU VIETNAM

2 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 3

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM
BUDDHISM IN VIETNAM
LE BOUDDHISME AU VIETNAM
CHAÙNH TRÍ TOAØN TAÄP
NHAØ XUAÁT BAÛN TOÂN GIAÙO - 2011

4 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

OÂ Seigneur Bouddha! Daignez accepter ce petit essai comme la meilleure offrande que puisse deùposer au pied de votre auguste troâme, l'humble disciple qui a consacreù douze anneùes de sa vie au service du Dharma. L'Auteur

O Lord Buddha! Please accept this small essay as the best offering that could be laid at the feet of your august throne, the bumble disciple who has dedicated twelve years of his life to the service of the Dharma. The Author

Kính laïy Ñöùc Phaät Xin Ngaøi töø maãn nhaän quyeån saùch con naøy nhö leã cuùng döôøng cao caû nhaát maø moät ñeä töû thaáp heøn, traûi möôøi hai naêm phuïng söï Chaùnh phaùp, ñöôïc ñaët döôùi chaân ngoâi baùu cuûa Ngaøi. Taùc giaû

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 5

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN (1905-1973)

6 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Aux amis qui ont favoriseù la publication de cet ouvrage Sinceøres remerciements et Paix dans le Dharma. C.T.

To friends who have favoured with the publication of this work
Sincere thanks and Peace in the
Dharma.
C.T.
Cuøng caùc baïn thaân ñaõ giuùp vieäc aán haønh saùch naøy Xin chaân thaønh caûm taï vaø xin chuùc nhieàu an laønh trong Ñaïo Phaùp. C.T.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 7

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

8 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 9

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

I. THÔØI KYØ DU NHAÄP U

Coù nhieàu thuyeát choáng nhau veà ngaøy thaùng Phaät giaùo du nhaäp Vieät Nam. Ñaùng tin hôn heát laø thuyeát cho Phaät giaùo ñöôïc truyeàn sang nöôùc ta vaøo khoaûng naêm 189 cuûa kyû nguyeân cô ñoác. Khôûi xöôùng coâng cuoäc truyeàn baù naøy coù leõ laø ngaøi Maâu Baùc , moät nhaø sö tröôùc tu theo ñaïo Laõo, goác ôû Ngoâ Chaâu (Trung Hoa). Tuy nhieân, neân bieát raèng tröôùc Maâu Baùc, coù nhieàu giaùo só nhö Ma La Kyø Vöïc (Marajivaka), Thieän Höõu (Kalyanaruci) vaø Khöông Taêng Hoäi (K'ang seng Houei) ñaõ do ñöôøng boä, ngaû Trung Hoa, hoaëc ñöôøng bieån maø ñeán Giao Chaâu, nôi phaùt tích cuûa nöôùc Vieät Nam hieän nay, vaø chaéc chaén caùc giaùo só aáy cuõng ñaõ coù gieo raéc ít nhieàu hoät gioáng Töø bi, doïn ñöôøng cho söù maïng cuûa Maâu Baùc veà sau.

10 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Vieät Nam luùc aáy thuoäc quyeàn ñoâ hoä cuûa ngöôøi Haùn maø chuû yù laø lo môû roäng ñaïo Khoảng trong daân gian, coøn ñoái vôùi ñaïo Phaät thì khoâng caám maø cuõng khoâng khuyeán khích, thaønh ra ngoaøi vaøi boä kinh chöõ Haùn ñöôïc löu thoâng luùc baáy giôø, khoâng moät ai bieát gì veà kho taøng cöïc kyø phong phuù cuûa giaùo ñieån nhaø Phaät.

II. THÔØI KYØ PHAÙT TRIEÅN 1. Nhöõng böôùc ñaàu. Töø naêm 544 tôùi 602, Vieät Nam ñaõ soáng ñöôïc moät thôøi töï chuû. Tuy ngaén nguûi, thôøi aáy ñaõ laøm lôïi khoâng ít cho söï truyeàn baù ñaïo Phaät. Nhöng ñoù môùi laø moät söï taán trieån phôùt treân maët maø thoâi. Maõi ñeán thôøi kyø Trung Quoác ñoâ hoä laàn thöù ba (töø naêm 603 tôùi 939) vaø tröôùc ñoù ít laâu, söï taán trieån thaät söï môùi baét ñaàu, nhôø hai phaùi ñoaøn truyeàn giaùo töø Trung Quoác sang qua (naêm 580 vaø 820). Phaùi ñoaøn thöù nhaát do Ñaïi ñöùc Tyø Ni Ña Löu Chi (Vinitaruci) goác ngöôøi Nam Thieân Truùc caàm ñaàu. Veà sau, Ñaïi ñöùc ñöôïc toân laøm Sô Toå Thieàn toâng ôû Vieät Nam. Caàm ñaàu phaùi ñoaøn thöù hai laø ngaøi Voâ Ngoân Thoâng , ngöôøi Trung Hoa; ngaøi coù laäp moät phaùi Thieàn toâng khaùc, rieâng bieät vôùi phaùi cuûa ngaøi Tyø Ni Ña Löu Chi.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 11

Luùc aáy, trong nöôùc coù ñöôïc hai chuïc ngoïn baûo thaùp ñeå thôø nhöõng Xaù lôïi voâ giaù do Hoaøng ñeá Trung Quoác ban taëng, moät soá chuøa chieàn, möôøi laêm boä kinh do ngaøi Khöông Taêng Hoä dòch vaø naêm traêm tu só maø veà sau, nhieàu vò ñaõ noåi danh.

2. Thôøi kyø ñình ñoán (939 – 968). Ñeán naêm 939, sau khi ñaùnh lui quaân Taøu, chaám döùt moät neàn ñoâ hoä daøi ngoùt ngaøn naêm, Ngoâ Quyeàn xöng vöông. Nhöng vì naïn coát nhuïc töông taøn, khoâng bao laâu, nhaø Ngoâ laïi suïp ñoå trong caûnh nöôùc löûa cuûa cuoäc tao loaïn "thaäp nhò Söù quaân". Chieán thaéng caùc ñòch thuû, Söù quaân Ñinh Boä Laõnh leân ngoâi xöng ñeá. Trong giai ñoaïn naøy, Phaät giaùo vì caûnh loaïn ly phaûi ngöøng böôùc, coøn ôû ñaát Trung Quoác thì bò ngöôïc ñaõi moät caùch khuûng khieáp.

3. Thôøi phuïc phaùt (968 – 1009). Sau khi xöng ñeá, Ñinh Boä Lónh lieàn lo vieäc hoä trì Phaät phaùp, luùc aáy ñaõ trôû thaønh moái tín ngöôõng chung cuûa daân chuùng. Moät thôøi thònh vöôïng baét ñaàu vaø keùo daøi tôùi naêm 1009.

Luùc aáy, ôû chuøa Phaät Ñaø , coù ngaøi Thieàn Sö Ngoâ Chaân Löu laø moät böïc tuùc nho, vaên taøi loãi laïc. Nghe danh, vua cho vôøi veà trieàu luaän ñaïo. Thieàn sö ñoái ñaùp nhö löu, vua laáy laøm baèng loøng. Ñeán naêm 970, vua phong Thieàn sö laøm Taêng Thoáng, caàm gieàng Taêng löõ maø nhaø vua vöøa chænh ñoán. Qua naêm sau, nghó coâng hoä quoác tyø daân, nhaø vua laïi phong Thieàn sö laøm Thaùi sö, ban hieäu Khuoâng Vieät (ngöôøi coù coâng söûa sang nöôùc Vieät). Tieáp theo nhaø Ñinh laø caùc vua ñôøi Tieàn Leâ (980 – 1009). Traûi qua gaàn ba möôi naêm, Thieàn moân luoân luoân ñöôïc trieàu ñình troïng ñaõi vaø caùc taêng só trong ñoù coù ngaøi Khuoâng Vieät, khoâng ngôùt giuùp vua treân hai phöông dieän chaùnh trò vaø toân giaùo. Chính döôùi thôøi aáy, laàn ñaàu tieân nöôùc ta sai söù qua Trung Quoác ñeå thænh boä Ñaïi taïng Phaùp baûo.

Phaät giaùo thôøi Ñinh vaø Tieàn Leâ sôû dó ñöôïc öu ñaõi laø bôûi duyeân côù sau ñaây: Töø naêm 187, döôùi thôøi ñoâ hoä Trung Quoác, Haùn vaên ñaõ ñöôïc ñem daïy treân ñaát Vieät, nhöng raát ít ngöôøi theo hoïc. Chæ coù haøng taêng só, vì khoâng thoûa maõn vôùi loái khaåu truyeàn, môùi coá theo vieäc buùt nghieân ñeå mong

thaáu ñaït nhöõng dieäu lyù aån taøng trong kinh ñieån. Vì vaäy, chæ trong Taêng giôùi môùi tìm ñöôïc moät soá taøi hoa, tuy ít nhöng ñi ñeán ñaâu cuõng ñöôïc daân chuùng neå vì, hay kính meán cuõng neân, nhôø ñaïo cao ñöùc caû vaø söùc hoïc uyeân baùc cuûa caùc ngaøi. Nghó cuõng phaûi, theo quan nieäm thôøi baáy giôø cuûa ngöôøi Trung Quoác cuõng nhö cuûa ngöôøi Vieät, phaøm laø böïc tuùc nho thì khoâng gì laø khoâng bieát: ñeà thi ngaâm vònh ñaõ ñaønh, ñeán nhö caùc khoa tu teà trò bình, chieâm tinh, töôùng soá, y phöông, döôïc taùnh, v.v... khoâng khoa naøo maø nhaø Nho khoâng bieát. Ñeä töû caùc Thaùnh sö beân Trung Quoác kia maø! Xeùt sô taâm traïng aáy ñuû hieåu vì sao Phaät giaùo döôùi thôøi Ñinh Leâ ñaõ ñöôïc troïng voïng nhö chuùng ta vöøa thaáy.

4. Thôøi kyø höng thònh thuoäc ñôøi Lyù (1010 – 1225). Cuoái ñôøi Leâ, nhaø vua raát laø baïo ngöôïc vaø chuyeân cheá, vì vaäy khi vua thaêng haø, ñình thaàn noåi leân pheá Leâ vaø toân moät vò ñaïi thaàn laø Lyù Coâng Uaån leân ngoâi cöûu truøng. Con nuoâi cuûa ngaøi Lyù Khaùnh Vaân ôû chuøa Coå Phaùp vaø nguyeân laø ñeä töû cuûa ngaøi Taêng Thoáng Vaïn Haïnh , Lyù Coâng Uaån laáy teân hieäu laø Lyù Thaùi Toå (naêm 1910).

Böôùc hanh thoâng cuûa Phaät giaùo ñaõ ñeán. Nhieàu Thieàn sö nhö caùc ngaøi Vaïn Haïnh , Ña Baûo, Suøng Phaïm , ñoàng ñem heát uy theá cuûa mình ra giuùp laøm cho coâng cuoäc truyeàn baù vaø thöïc haønh Giaùo phaùp ñöôïc nhieàu keát quaû röïc rôõ. Naêm 1028, Lyù Thaùi Toå qua ñôøi ñeå laïi moät göông ñaïo taâm toát ñeïp maø caùc con chaùu ñeàu noi theo moät caùch xöùng ñaùng. Ngöôøi keá vò ñaàu tieân laø Lyù Thaùi Toân (1028 – 1054), ñeä töû cuûa ngaøi Thieàn Laõo , thuoäc phaùi Voâ Ngoân Thoâng. Döôùi thôøi naøy, nhieàu Phaät söï ñaïi qui moâ ñöôïc thöïc hieän, chöùng toû söï baønh tröôùng cuûa ñaïo, nhö vieäc nhaø vua cho xaây 95 caûnh chuøa, khi hoaøn taát laïi laøm leã khaùnh thaønh long troïng cuøng tha thueá cho toaøn daân (naêm 1031), tu boå nhöõng töôïng Phaät vaø caùc chuøa trong nöôùc, tha thueá laàn thöù hai (naêm 1036), vaø roát heát, naêm 1049, saéc chæ xaây chuøa Dieân Höïu , sau khi naèm moäng thaáy ñöùc Quaùn Theá AÂm ñöa ñeán chieâm baùi tröôùc moät toøa thaùp Lieân Hoa. Do ñaây chuøa ñöôïc döïng döôùi hình daùng moät hoa sen, treân ñaàu moät caây coät duy nhöùt, giöõa moät hoà nhaân taïo ngay taïi thaønh Haø Noäi. Thöôøng ñöôïc coâng chuùng goïi laø "Chuøa moät coät", ngoâi Tam baûo naøy hoài naêm 1954, luùc quaân ñoäi Phaùp saép ruùt lui, ñaõ bò nhöõng baøn

tay bí maät taøn phaù, nhöng sau ñaõ ñöôïc truøng tu nhö cuõ, nhôø baûn ñoà coøn löu tröõ taïi Tröôøng Baùc coå Vieãn ñoâng. Ñôøi vua thöù ba cuûa trieàu Lyù laø Lyù Thaùnh Toân (1054 – 1072), moät hieän thaân cuûa ñöùc Ñaïi töø Ñaïi bi. Trong choán cung son ñieän ngoïc, nhaát laø khi gaëp tieát ñoâng thieân, nhaø vua thöôøng chaïnh nhôù tôùi soá phaän haåm hiu cuûa haïng baàn daân vaø noãi thoáng khoå cuûa ñaùm phaïm nhaân trong nguïc thaát. Vì vaäy, döôùi trieàu naøy thöôøng thaáy nhöõng cuoäc chaån baàn vaø aân xaù quan troïng. Ba naêm tröôùc khi nhaø vua gaùc giaù – moät nhaø vua maø loøng töø coù theå ví vôùi vua A Duïc beân AÁn Ñoä – coù xaûy ra moät vieäc laøm chaán ñoäng giôùi tu haønh. Nöôùc ta vöøa môùi chieán xong vôùi Chieâm thaønh. Sau moät cuoäc haønh binh thaéng lôïi, Lyù Thaùnh Toân hoài traøo, baét theo moät ñaùm tuø binh ñeå chia cho caùc quan laøm toâi ñoøi. Trong soá caùc vò ñöôïc höôûng aân loäc naøy coù moät Taêng quan. Moät hoâm, coù vieäc ñi vaéng, khi trôû veà vò Taêng quan raát ñoãi ngaïc nhieân thaáy taäp ngöõ luïc cuûa mình coù daáu söûa chöõa. Hoûi ra môùi bieát ngöôøi ñaõ ñaët vieát hieäu chính laø moät tuø binh. Vò Taêng quan beøn ñem vieäc naøy trình leân, nhaø vua cho ñoøi ngöôøi noâ boäc ñeán vaø ñem giaùo lyù ra haïch hoûi. Tuø nhaân ñoái ñaùp thoâng

suoát, chöøng aáy môùi hay ñoù laø moät Thieàn sö Trung

16 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Hoa, phaùp danh Thaûo Ñöôøng , treân böôùc du hoùa ôû Chieâm Thaønh ñaõ bò naïn. Nhaø vua beøn cho Thieàn sö gia nhaäp vaøo Taêng tòch Vieät Nam vaø caáp pheùp ñeán khai giaûng taïi chuøa Khai Quoác . Chaúng bao laâu soá ñeä töû theo hoïc caøng ngaøy caøng ñoâng, Thieàn sö laäp moät phaùi Thieàn toâng thöù ba, laáy teân Thaûo Ñöôøng laø phaùp hieäu cuûa ngaøi. Nhaø vua thuï giaùo vaø töông truyeàn cuõng ñaõ ñöôïc aán chöùng nhö noäi toå laø vua Lyù Thaùi Toå. Döôùi thôøi Lyù Thaùnh Toân, Khoảng giaùo ñaõ baét ñaàu truyeàn baù, nhöng ñeán ñôøi Lyù Nhôn Toân (1072 – 1127) môùi ñöôïc phoå bieán maïnh trong daân chuùng, nhaân cuoäc khoa cöû ñaàu tieân cuûa vua ban chieáu laäp ra. Tuy vaäy, Phaät giaùo chöa bò laán aùp vaø vaãn tieáp tuïc thònh haønh döôùi söï baûo trôï cuûa nhaø vua. Nhieàu buùt tích coøn löu laïi ñeán ngaøy nay chöùng toû Phaät giaùo luùc aáy ñaõ ñaït ñeán moät trình ñoä sieâu vieät. Löøng danh nhaát laø caùc ngaøi Vieân Chieáu , Ngoâ An vaø Khoâ Ñaàu . Coù moät daïo, ngaøi Khoâ Ñaàu ñöôïc vua phong laøm Thaùi sö, tham döï quoác chaùnh, y nhö ngaøi Khuoâng Vieät hoài thôøi Ñinh, Leâ. Töø naêm 1128 tôùi naêm 1225, laø cuoái ñôøi Lyù, keå ra coù ba ñôøi vua theo tu ñaïo Thieàn. Vò vua roát heát laø Lyù Hueä

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 17

Toân , vì chaùn theá söï phuø vaân, theá phaùt xuaát gia, sau khi nhöôøng ngoâi laïi cho con gaùi laø Lyù Chieâu Hoaøng. Nhöng chaúng bao laâu, Lyù Chieâu Hoaøng laïi nhöôøng ngoâi cho phoø maõ Traàn Caûnh . Nhaø Traàn ñöôïc saùng laäp töø ñaây. Theo nhö treân ñaõ thaáy, khoâng luùc naøo ñaïo Phaät ñöôïc thònh ñaït cho baèng döôùi thôøi nhaø Lyù. Lieân tieáp taùm ñôøi vua, toång coäng 215 naêm, ñaïo Thích laø ñaïo duy nhaát ñöôïc quoác daân suøng baùi. Tuy nhieân, ñöøng töôûng nhaø vua coù aån yù trong vieäc hoä trì Chaùnh phaùp, maø neân xem ñoù laø bieåu töôïng cuûa moät taám loøng moä ñaïo chaân thaønh, moät phaàn do giaùo lyù tuyeät luaân cuûa ñöùc Phaät gaây ra, moät phaàn do ñaïo haïnh vaø trí hueä cuûa caùc Thieàn sö ñaøo taïo.

III. THÔØI KYØ SUY SUÏP Ñeán ñôøi Traàn, trong baûy chuïc naêm ñaàu, ai cuõng töôûng neáu khoâng baønh tröôùng theâm leân, Phaät giaùo ít ra cuõng giöõ vöõng caùi ñòa vò öu theá ñaõ chieám ñöôïc, maëc duø söï caïnh tranh cuûa Khoảng giaùo coù nhieàu böôùc tieán. Ai khoâng nhaän thæ toå nhaø Traàn vaø chaùu ñích toân laø vua Traàn Nhaân Toân (töùc vò naêm 1278) laø nhöõng Phaät töû nhieät thaønh, gaáp maáy laàn caùc vua ñôøi Lyù? Ñoái vôùi nhaø vua tröôùc, Phaät

18 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

giaùo Vieät Nam chaúng nhöõng chòu nhieàu aân hueä vaø ñöôïc söï baûo boïc hoaøn toaøn, laïi coøn thöøa höôûng hai aùng vaên kieät taùc veà maët vaên chöông cuõng nhö veà maët ñaïo giaùo, laø boä "Thieàn Toân chæ nam" vaø "Khoùa hö". Coøn phaàn Traàn Nhaân Toân thì sau khi trò vì ñöôïc möôøi laêm naêm, ñaõ nhöôøng ngoâi vaøo

chuøa Vaân Yeân, nuùi Yeân Töû, chuyeân tu theo phaùp Thieàn moân vaø giaùo hoùa hôn moät ngaøn ñeä töû. Baéc Vieät xem Ngaøi laø Toå thöù nhaát trong tam Toå phaùi Truùc Laâm. Theá maø tôùi ñaây Phaät giaùo xem tuoàng nhö ñaõ ñeán möùc choùt cuûa thôøi phoàn thaïnh. Naêm 1414, Vieät Nam trôû laïi bò Trung Quoác ñoâ hoä treân möôøi naêm. Nhôn coù söï khuyeán khích cuûa trieàu nhaø Minh, ñaïo Nho ñöôïc maïnh truyeàn qua ñaát Vieät, gaây leân moät phong traøo soâi noåi veà trieát hoïc vaø vaên hoïc, moät maët khaùc Laõo giaùo vaø Laït ma giaùo ngaøy caøng theâm theá löïc, khieán cho daân taâm ly taùn. Nguy hôn nöõa, caùc Thaùi thuù Trung Quoác coøn ra leänh tòch thu taát caû kinh saùch Phaät giaùo vaø taøn phaù trieät ñeå chuøa chieàn. Ñeán naêm 1428, Vieät Nam thu hoài neàn ñoäc laäp, nhöng tình theá môùi khoâng ñem laïi cho Phaät giaùo moät lôïi laïc naøo. Traùi laïi, vua Thaùi Toå ñôøi haäu Leâ coøn laäp khoa thi cho Taêng löõ, ai khoâng ñaäu phaûi hoaøn tuïc. Ba möôi naêm sau, Phaät giaùo laâm nguy, nhaø vua ra leänh theo doõi moïi haønh

tung cuûa Taêng só vaø caám haún vieäc xaây caát theâm chuøa. Tuy vaäy, Phaät giaùo vaãn toàn taïi trong daân gian, khoâng phaûi thuaàn khieát nhö tröôùc, maø döôùi hình thöùc moät söï hoãn hôïp ñaùng tieác. Töø naêm 1528 tôùi naêm 1802, nhaân Chuùa Tròng ngoaøi Baéc vaø Chuùa Nguyeãn trong Nam tranh nhau laáy loøng daân chuùng maø ñoâi beân ñeàu bieát laø coøn gaén boù vôùi Phaät giaùo, nhieàu Thieàn phaùi môùi ñöôïc thaønh laäp döôùi quyeàn ñieàu khieån cuûa caùc Thieàn sö Trung Hoa, cuõng nhö nhieàu am töï ñöôïc truøng tu hay taân taïo. ÔÛ Baéc, Chuùa Tròng ñaõ laøm moät vieäc phi thöôøng: duøng 6.000 vöøa thôï vöøa tieåu coâng laøm vieäc ñeâm ngaøy, suoát moät naêm trôøi, ñeå xaây laïi hai ngoâi coå töï Quyønh Laâm vaø Suøng Nghieâm . ÔÛ Nam, Chuùa Nguyeãn Hoaøng saéc chæ caát chuøa Thieân Muï , hieän coøn ôû Hueá. Hai ñaëc ñieåm cuûa ngoâi Tam baûo vó ñaïi naøy laø ngoïn thaùp baûy töøng vaø quaû ñaïi hoàng chung coù tieáng ngaân laï thöôøng. Khoâng bao laâu, coâng ñöùc tu taïo cuûa Chuùa Nguyeãn ñöôïc caùc nhaø sö Trung Hoa ñang haønh ñaïo trong nöôùc noi theo. Coù ngöôøi quaû quyeát raèng moät phaàn lôùn chuøa chieàn hieän coù ôû Hueá vaø caùc vuøng phuï caän laø coâng trình cuûa caùc vò aáy maø ñeán nay giôùi Phaät töû coøn nhaéc nhôû uy danh.

Kòp ñeán khi nhaø Nguyeãn thoáng nhaát sôn haø, Phaät giaùo bò bieán thaønh moät thöù lôïi khí chaùnh trò trong tay nhaø vua, ñeå cuûng coá ngoâi baùu vöøa xaây ñaép, coøn taêng só thì moät phaàn nhö bò truaát xuoáng haøng thuû töï caùc chuøa saéc töù hay haøng thaày cuùng. Phaät giaùo chæ coøn caùi xaùc, haàu khaép caùc chuøa, vieäc phaù trai phaïm giôùi laø thöôøng, coøn Phaät thì ñöôïc thôø nhö moät vò thaàn linh maø ngöôøi ta töôûng coù theå duøng leã vaät mua loøng. Ñeán cuoái theá kyû thöù 19, vôùi söï ñoâ hoä cuûa Phaùp, tình theá laïi caøng luïn baïi theâm. Trong gaàn taùm chuïc naêm trôøi, Phaät giaùo vöøa bò Thieân chuùa giaùo caïnh tranh raùo rieát, vöøa bò nhaø caàm quyeàn nghieâm khaéc haïn cheá: naøo laäp Taêng tòch ñeå kieåm

tra, naøo baét buoäc caát chuøa phaûi xin pheùp tröôùc, naøo haïn cheá vieäc nhaø chuøa mua saém ñaát ñai hay thu nhaän taøi saûn cuûa thaäp phöông hyû cuùng, v.v... Naûn chí, caùc nhaø tu haønh chaân chính tìm choán aån tu, ñeå maëc cho boïn "thaày ñaùm" muùa gaäy vöôøn hoang. Vì tham lôïi, boïn naøy laøm cho tình theá hoãn taïp ñaõ noùi ôû phía tröôùc ngaøy caøng caøng theâm traàm troïng, khieán cho khaùch baøng quan phaûi ñau loøng tröôùc caûnh töôïng moät ñaïo kyø kyø quaùi quaùi, trong ñoù thaàn bí, phuø chuù, taø tín, ña thaàn xaùo troän nhö moät cuoän chæ roái, khoâng phöông gôõ ra.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 21

IV. PHAÄT GIAÙO CAÄN ÑAÏI Ñeán naêm 1920, noi göông Trung Hoa daân quoác, moät phong traøo chaán höng Phaät giaùo noåi leân khaép ba mieàn Baéc, Trung, Nam. Nhöõng khoù khaên luùc ñaàu raát nhieàu, nhöng khoâng phaûi vì theá maø coâng cuoäc bò cheûn loái. Tuy nhieân, phaûi ñôïi ñeán naêm 1931 môùi thaáy moät hoäi Phaät hoïc ñaàu tieân thaønh laäp ôû Saøi Goøn, laáy teân laø Nam kyø nghieân cöùu Phaät hoïc, keá ñoù coù Hoäi Löôõng xuyeân Phaät hoïc. Tieáp theo laø Hoäi Phaät hoïc ôû Trung Vieät, thaønh laäp naêm 1932, vaø roát heát laø Hoäi Phaät giaùo ôû Baéc Vieät, khai saùng naêm 1934. Caùc hoäi treân ñaây ñeàu do Taêng giaø vaø cö só chung söùc taïo thaønh vaø tuy moãi hoäi coù chöông trình hoaït ñoäng rieâng, taát caû ñeàu töï ñaët nhöõng muïc tieâu sau ñaây: chænh ñoán Thieàn moân, vaõn hoài qui giôùi, ñaøo taïo moät theá heä thanh nieân tu só chaân chính vaø höõu hoïc, roát heát, phoå thoâng giaùo lyù baèng Vieät ngöõ thay cho chöõ Haùn ñöôïc duøng töø xöa. Vì theá, nhieàu taïp chí, nhieàu baûn dòch kinh saùch cuûa Tieåu thöøa vaø Ñaïi thöøa baét ñaàu xuaát baûn. Coù ñieàu laï laø Thieàn toâng maát tích khoâng bieát luùc naøo, ñeå cho Tònh ñoä toâng thay vaøo vaø tieáp tuïc thònh haønh cho ñeán ngaøy nay.

22 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Phong traøo chaán höng Phaät giaùo ñöôïc nhieät lieät hoan nghinh. Moät söï chuyeån höôùng ñöôïc dieãn ra trong tö töôûng cuûa haïng thöôïng löu trí thöùc, ñaõ quaù chaùn ngaùn vôùi neàn vaên minh vaät chaát Taây phöông. Hoï tham gia phong traøo, uûng hoä baèng moïi caùch, hoaëc cung caáp tieàn baïc, hoaëc giuùp ñôõ söï phoå thoâng giaùo lyù baèng loái tröïc tieáp hôïp taùc trong coâng trình canh taân ñang leân. Nhöng chaúng bao laâu, traän theá giôùi chieán tranh thöù hai noå buøng (1940 – 1945) laøm cho coâng cuoäc gaàn nhö bò ñình chæ troïn veïn. Ñeán naêm 1948, nhaân tình theá trong nöôùc bôùt ñen toái, nhöõng hoaït ñoäng bò moät thôøi giaùn ñoaïn, ñöôïc tieáp tuïc laïi maïnh meõ. ÔÛ Haø Noäi, caùc nhaø sö ly taùn vì thôøi cuoäc laàn löôït trôû veà, keá ñoù Taêng giôùi cuõng nhö Hoäi Phaät giaùo ñöôïc chænh ñoán. Moät naêm sau, nhôø saùng kieán cuûa hai Thöôïng toïa Toá Lieân vaø Trí Haûi, coù giôùi cö só taän taâm giuùp söùc, moät coâ nhi vieän, moät tö thuïc, nhieàu cô quan töø thieän cöùu trôï naïn nhaân chieán tranh vaø moät aán quaùn ñöôïc thieát laäp taïi Haø Noäi trong moät tình theá voâ cuøng khoù khaên. ÔÛ Hueá cuõng theá, phaûi lo qui taäp taêng löõ vaø chænh ñoán moïi vieäc... Ñoù ñaây, nhöõng am töï bò taøn

phaù ñöôïc truøng tu, nhöõng taïp chí xöa ñöôïc taùi baûn, caùc nhaø phieân dòch vaø tröôùc taùc haêm hôû laøm vieäc trôû laïi.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 23

Hai naêm sau, laø naêm 1950, Nam Vieät theo göông Trung, Baéc. Moät Hoäi Phaät hoïc môùi ñöôïc thaønh laäp, hoäi cuõ ñaõ ngöng hoaït ñoäng. Ngaøy 6-5-1951, moät hoäi nghò toaøn quoác hoïp ôû Hueá, goàm treân naêm chuïc ñaïi bieåu Taêng giaø vaø cö só. Nhieàu baûn quyeát ñònh quan troïng ñöôïc chaáp thuaän, thuoäc caùc khoaûn sau ñaây: thoáng nhaát caùc hoäi cö só, caûi toå Giaùo hoäi, qui ñònh nghi leã, phoå caäp giaùo lyù trong quaàn chuùng vaø ñaøo taïo moät lôùp thanh nieân Phaät töû. Ñaïi hoäi cuõng pheâ chuaån vieäc Thöôïng toïa Toá Lieân, ñaïi bieåu Phaät giaùo Baéc Vieät, ñaõ kyù teân cho Phaät giaùo Vieät Nam gia nhaäp vaøo Hoäi Phaät giaùo theá giôùi, ñöôïc thaønh laäp nhaân cuoäc Hoäi nghò quoác teá laàn thöù nhaát taïi Colombo (Tích Lan), hoài naêm 1950. Cuoäc hoäi nghò Phaät giaùo theá giôùi kyø thöù hai, hoïp taïi Ñoâng Kinh (Nhaät Baûn) thaùng chín naêm 1952, ñaõ giuùp cho Phaät giaùo thoáng nhaát Vieät Nam moät cô hoäi bieåu döông laàn ñaàu löïc löôïng cuûa mình. Phaùi ñoaøn Tích Lan, ñi phoù hoäi Ñoâng Kinh coù thænh theo moät ngoïc Xaù lôïi Phaät toå ñeå taëng nöôùc Nhaät vaø chieác taøu Phaùp La Marseillaise chôû phaùi ñoaøn, phaûi döøng ôû beán Saøi Goøn hai möôi boán giôø. Hay ñöôïc tin naøy, caùc ñaïi dieän Phaät giaùo mieàn Nam lieàn quyeát ñònh toå chöùc moät leã cung nghinh long troïng. Döôùi danh nghóa Phaät giaùo thoáng nhaát, maø töø ñaây goïi laø Phaät

giaùo Vieät Nam, moät cuoäc taäp hôïp vó ñaïi ñaõ dieãn ra, treân naêm vaïn ngöôøi tham gia, maø chæ saép ñaët khoâng ñaày saùu ngaøy. Thaät laø moät quang caûnh chöa töøng thaáy ôû choán Saøi Goøn cuûa nöôùc Vieät Nam ñoäc laäp: tuy ñoâng maø vaãn traät töï, ngöôøi ngöôøi ñeàu bieåu loä moät nieàm tin töôûng chí thaønh. Cuoäc bieåu dieãn eâm aùi aáy, veà sau ñaõ gaây ñöôïc nhieàu aûnh höôûng hay. Töø Baéc chí Nam, phong traøo chaán höng ñöôïc moïi nôi tieáp ñoùn noàng haäu, khieán cho phaïm vi hoaït ñoäng caøng ngaøy caøng baønh tröôùng, laán aùp moät phaàn naøo uy theá cuûa nhöõng chi phaùi taïp nhaïp. Töø ñoù, caùc cô quan töø thieän, Phaät hoïc ñöôøng, tö thuïc Phaät giaùo vaø cô sôû Thanh nieân Phaät töû ñöôïc naûy nôû theâm vaø ngaøy caøng thònh vöôïng. Treân phöông tieän truyeàn baù giaùo lyù, nhieàu taán trieån cuõng quan troïng nhö theá ñaõ ñöôïc thu hoaïch, vaø coù leõ ñaõ quan troïng hôn nhieàu, neáu khoâng coù hieäp ñònh Geneøve chia hai ñaát nöôùc.

V. NHÖÕNG AÛNH HÖÔÛNG CUÛA PHAÄT GIAÙO TRONG TÖ TÖÔÛNG VAØ ÑÔØI SOÁNG NGÖÔØI VIEÄT Nhö ñaõ thaáy, treân nguyeân taéc, nöôùc Vieät Nam thuôû xöa coù ba toân giaùo chính: Laõo giaùo, Khoång giaùo vaø Phaät giaùo. Nhöng treân thöïc teá, chæ coù moät Ñaïo, do söï thaâm

nhaäp laãn loän cuûa ba moái tín ngöôõng kia keát thaønh, vaø moãi tín ngöôõng naøy coù theå xem nhö moät hình thaùi rieâng bieät cuûa caùi Ñaïo duy nhaát kia. Tình traïng aáy keùo daøi ñeán ngaøy nay, thaønh ra raát khoù, hay coù theå noùi laø khoâng laøm theá naøo maø chia tín ñoà cuûa ba toân giaùo ra thaønh ba khoái rieâng bieät ñöôïc. Chæ moät soá ít, trong haøng taïi gia hay xuaát gia, môùi coù moät thaùi ñoä roõ reät, heã tu theo ñaïo naøo laø cöù theo ñaïo ñoù, coøn ñaïi chuùng thì traùi laïi khoâng thieân veà beân naøo vaø cuõng khoâng caàn nhoïc trí tìm bieát nhöõng sai khaùc giöõa ba moái ñaïo. Vì vaäy hoï coù theå töï xöng laø con nhaø Phaät, maø vaãn ung dung ñeán leã ôû caùc ñeàn thôø Thaùnh hay tieáp tuïc vieäc thôø phöôïng toå tieân laø chuû tröông cuûa ñaïo Khoång. Khi coù moät söï xaùo troän taïp nhaïp nhö theá, thì leõ coá nhieân phaûi coù nhöõng loái tu haønh meâ tín dò ñoan, chaéc chaén nhö vaäy, khoâng coøn gì nghi ngôø, maø nhö theá laø giuùp cho voâ minh caøng ngaøy caøng daøy chaët. Tuy nhieân, ñöùng veà moät phöông dieän khaùc, khoâng theå khoâng nhìn nhaän raèng söï taïp nhaïp ñoù coù aûnh höôûng toát cho neàn luaân lyù, loái tö töôûng, vaén taét, cho ñôøi soáng cuûa daân chuùng. Thaät theá, nhieàu Nho só, duø coá trung thaønh vôùi nhöõng giaùo lyù caên baûn cuûa Khoång Töû, vaãn laø saûn phaåm cuûa Phaät giaùo, vaø trong nhieàu aùng vaên chöông, tuy khoâng coù söï möôïn yù moät caùch tröïc tieáp, vaãn chöùa ñöïng nhieàu caâu

nhieàu ñoaïn quaù phaûn chieáu nhöõng thuyeát voâ thöôøng, nghieäp baùo, nhaân quaû, luaân hoài, baùt khoå... thaønh ra khoâng laøm sao choái caõi ñöôïc raèng taùc giaû ñaõ coù chòu phaàn naøo aûnh höôûng cuûa Phaät giaùo. Nhöng phaûi ñi vaøo ñòa haït luaân lyù môùi thaáy caùi aûnh höôûng aáy saâu roäng nhö theá naøo. Haïng toái ö doát naùt, nhöõng keû khoâng theo ñaïo Phaät cuõng vaäy, ñeàu sôï söï baùo öùng maø hoï quan nieäm theo loái tranh Thaäp ñieän. Nhôø vaäy maø laém luùc hoï traùnh ñöôïc ñieàu aùc vaø laøm ñöôïc vieäc laønh. Theâm vaøo ñoù coøn coù nguõ giôùi caám, giuùp cho haøng Phaät töû soáng moät ñôøi soáng hoøa thuaän an vui maø söï giaûi thoaùt cuûa Thieàn toâng vaø coõi Cöïc Laïc cuûa Tònh ñoä toâng caøng laøm cho linh ñoäng theâm leân. Nhaát laø vieäc aên chay, hoaëc aên kyø nhö haøng cö só, hoaëc aên tröôøng nhö caùc böïc xuaát gia, ít ra cuõng coù coâng cheá ngöï ñöôïc phaàn naøo caùi taùnh khaùt maùu chung cho toaøn theå nhaân loaïi. Trong laõnh vöïc myõ ngheä, Phaät giaùo cuõng gaây ñöôïc moät aûnh höôûng saâu roäng nhö theá. Khoa kieán truùc, ñieâu khaéc vaø hoäi hoïa, khoâng khoa naøo laø khoâng möôïn töù ôû hai ñieåm chaùnh cuûa Phaät giaùo laø Töø bi vaø Thanh tònh. Hoa sen laø moät kieåu maãu maø ai ai cuõng thích, cuõng nhö hình aûnh cuûa Boà taùt Quaùn Theá AÂm thieân bieán vaïn hoùa laø moät kieåu maãu khaùc deã laøm caûm ñoäng haøng phuï nöõ.

VI. NGÖÔØI VIEÄT NAM QUAN NIEÄM VAØ THÖÏC HAØNH ÑAÏO PHAÄT NHÖ THEÁ NAØO? Chuùng toâi ñaõ noùi qua nhöõng coá gaéng cuûa phong traøo chaán höng

Phaät giaùo phaùt khôûi töø naêm 1920. Phong traøo aáy quaû ñaõ tieán ñöôïc moät böôùc khaù daøi, nhöng vaãn chöa gaàn tôùi ñích. Tuy nhieân, nhöõng keát quaû thu thaäp ñöôïc khoâng vì theá maø keùm phaàn khích leä. Nhöõng nhaø tieân phong ñaõ thaønh coâng phaàn naøo trong coâng cuoäc laøm toû raïng laïi caùi chaân tinh thaàn Phaät giaùo baèng caùch gaït boû nhöõng taø thuyeát ñaõ xen vaøo laøm cho môø mòt, nhöng ñöøng töôûng caùc ngaøi ly khai vôùi ñöôøng loái cuûa Ñaïi thöøa maø ñaëc ñieåm laø ñöùc Ñaïi töø Ñaïi bi, ñöôïc Boà taùt haïnh tieâu bieåu moät caùch roõ reät, ñuùng vôùi lôøi daïy cuûa Phaät toå: töï giaùc, giaùc tha, töï ñoä, ñoä tha. Vì leõ naøy cho neân, duø tu só, duø cö só, nhöõng ngöôøi tham gia phong traøo chaán höng ñeàu coá gaéng tinh taán trong vieäc tu taâm söûa taùnh vaø dieãn ñaït baèng vieäc laøm haøng ngaøy nhöõng chaân lyù hoïc hoûi ñöôïc trong kinh ñieån. Baây giôø hoï nhaän chaân ñöôïc caùi giaù trò cuûa vieäc leã baùi vaø caùc giôùi caám, hoï bieát ñoù khoâng phaûi laø cöùu caùnh, nghóa laø khoâng phaûi chæ leã baùi, giöõ giôùi laáy leä laø ñuû, maø laø nhöõng phöông tieän quyeàn nghi caàn phaûi aùp duïng ñeå ñi ñeán choã ñònh, hueä. Hoï khoâng coøn ñeå cho phöông phaùp töôïng tröng thöôøng duøng trong Ñaïi thöøa laøm laàm laïc vaø hoï

bieát ruùt trong aáy ra nhöõng chaát boå cho tinh thaàn hoï. Hoï hoaøn toaøn coâng nhaän nhöõng giaùo lyù chaùnh thoáng ñöôïc phaùi Nguyeân thæ ca tuïng, nhöng hoï khoâng boû nhöõng luaän thuyeát, caên cöù treân neàn taûng aáy, cuûa caùc ngaøi Long Thoï, Maõ Minh, Theá Thaân, Voâ Tröôùc v.v..., cuõng nhö hoï khoâng boû phaùp moân Tònh ñoä maø hoï bieát laø moät loái tham thieàn thöïc tieãn, vì deã taäp cho ña soá.

VII. TÌNH HÌNH HIEÄN TAÏI Trong chöông naøy, seõ trình baøy tình hình hieän taïi cuûa Phaät giaùo ôû Vieät Nam, xeùt theo khía caïnh cuûa Toång Hoäi Phaät giaùo Vieät Nam. So saùnh vôùi caùc ñoaøn theå Phaät giaùo khaùc cuøng toàn taïi treân ñaát Vieät, Toång Hoäi PGVN laø ñoaøn theå quan troïng nhaát, toå chöùc chaët cheõ hôn heát, duy nhaát hoaït ñoäng vaø cuõng duy nhaát ñöôïc chính thöùc nhìn nhaän laø ñuû tö caùch ñeå ñaïi dieän cho neàn Phaät giaùo nghìn naêm cuûa Vieät Nam. Bôûi nhöõng lyù do naøy vaø nhöõng lyù do khaùc khoâng keå ra ôû ñaây ñeå khoûi nhaøm tai, Toång Hoäi PGVN coøn laø ñoaøn theå duy nhaát laøm phaûn aûnh trung thaønh caùi chaân dieän muïc cuûa Phaät giaùo Vieät Nam. Laïi nöõa, neân ghi nhôù raèng Toång Hoäi PGVN laø hoäi vieân cuûa Hoäi Phaät giaùo theá giôùi töø ngaøy saùng laäp laø naêm 1950 taïi Colombo, Toång Hoäi ñaõ tham döï nhieàu hoäi nghò

Phaät giaùo quoác teá vaø hieän lieân laïc vôùi nhieàu nöôùc Phaät giaùo treân hoaøn caàu. Toå chöùc. – Döôùi uy danh vaø söï ñieàu khieån toång quaùt cuûa Toång Hoäi, ñöôïc quy taäp, moät beân laø 3 Giaùo hoäi Taêng giaø goàm treân 3.000 Tyø khöu vaø ñoä 600 Tyø khöu ni, moät beân nöõa laø 3 ñoaøn theå cö só coù chi nhaùnh taän nhöõng laøng maïc xa xoâi heûo laùnh. Toång soá hoäi vieân cuûa nhöõng hoäi cö só

hôïp phaùp ñoù vaø nhöõng chi nhaùnh, leân ñeán con soá ngoùt moät trieäu, chöa keå caùi khoái tín ñoà khoâng gia nhaäp hoäi vaø ñoâng gaáp ba soá ngöôøi nhaäp hoäi. Ñaïi khaùi, söï phaân coâng giöõa Taêng giaø vaø cö só nhö sau: Caùc Giaùo hoäi ñaûm nhieäm moïi Phaät giaùo söï lieân quan ñeán vaán ñeà tinh thaàn, coøn boån phaän caùc ñoaøn theå cö só laø gaùnh thay cho haøng tu só moïi lo nghó thuoäc veà vaät chaát. Hoaèng phaùp. – Ñeå trau doài ñaïo hoïc cho taát caû cö só, baát luaän coù vaøo hay khoâng vaøo hoäi, coâng cuoäc hoaèng phaùp lôïi sinh ñöôïc toå chöùc ñaïi qui moâ: ôû Saøi Goøn thì dieãn giaûng haøng tuaàn, coøn ôû caùc tænh thì coù nhöõng buoåi thuyeát phaùp löu ñoäng vaø ñònh kyø vôùi söï trôï löïc cuûa nhöõng xe tuyeân truyeàn ñöôïc trang bò baèng maùy vi aâm vaø maùy chieáu boùng, ngoaøi ra coøn vieäc phoå bieán kinh saùch, baùo chí moät caùch saâu roäng, cöù moãi thaùng xuaát baûn trung bình ñoä

30 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

30.000 taäp, do nhöõng nhaø in cuûa Toång Hoäi aán loaùt. Theâm vaøo ñoù coøn coù nhöõng lôùp hoïc Phaät phaùp ñaëc bieät, môùi thaønh laäp trong böôùc ñaàu ôû Saøi Goøn vaø vuøng ngoaïi oâ, ñeå giuùp nhöõng Phaät töû muoán coù moät trình ñoä hoïc Phaät cao hôn. Söï hoaït ñoäng veà maët naøy coøn ñöôïc môû roäng theâm nhôø nhöõng thö vieän raûi raùc nhieàu nôi, hoaëc khoâng hoaëc coù phoøng ñoïc saùch. Ñaøo taïo caùn boä. – Taát caû nhöõng hoaït ñoäng vöøa keå ñaõ ñaët ra baøi toaùn caùn boä maø Toång Hoäi ñaõ giaûi quyeát oån thoûa baèng caùch taêng gia soá Phaät hoïc ñöôøng (4 hoài naêm 1956, 10 naêm 1962) vaø söï thaønh laäp moät Giaûng sö ñoaøn, chöa keå vieäc gôûi caùc thanh nieân tu só ñi tu nghieäp ôû ngoaïi quoác (hieän coù 3 ôû vieän Nalanda, AÁn Ñoä, vaø 4 ôû Nhaät Baûn). Söï hoïc vaán ôû Phaät hoïc ñöôøng ñöôïc toå chöùc theo loái hoãn hôïp: caùc Taêng hoïc sinh vöøa hoïc kinh ñieån, vöøa hoïc theá phaùp theo chöông trình cuûa Chaùnh phuû. Nhieàu vò ñaõ toát nghieäp hoaëc ñang theo ñuoåi vieäc ñeøn saùch ôû caùc tröôøng Trung hoïc, Ñaïi hoïc Saøi Goøn vaø Hueá. Thanh nieân Phaät töû. – Veà caùc thanh nieân thieáu nöõ Phaät töû töø 8 tôùi 20 tuoåi thì coù Phong traøo Thanh nieân thöôøng ñöôïc bieát döôùi danh hieäu "Gia ñình Phaät töû" thu nhaän.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 31

Saùng laäp naêm 1940, Phong traøo aáy caøng ngaøy caøng baønh tröôùng. Muïc ñích cuûa Phong traøo laø huaán luyeän caùc haøng thanh nieân thieáu nöõ ñeå veà sau trôû thaønh Phaät töû thuaàn thaønh, thöïc tu thöïc hoïc, daùm hy sinh cho vieäc baûo veä vaø phaùt trieån moái ñaïo cuûa oâng cha, nhöõng coâng daân chaân chính vaø höõu ích cho xaõ hoäi. Sau 23 naêm toàn taïi, Phong traøo do 3.000 Huynh tröôûng ñieàu khieån khoâng coâng, hieän ñoâng ñeán 70.000 em thuoäc gaàn 1.000 Gia ñình, töø thaønh thò ñeán thoân queâ. Moät phaàn tö caùc em ñoù theo hoïc taïi caùc tröôøng trung vaø tieåu hoïc do caùc Hoäi cö só döïng leân. Phaàn ñoâng caùc tö thuïc Boà ñeà aáy ñaõ thu thaäp ñöôïc nhieàu thaønh quaû toát ñeïp ôû caùc kyø thi, laøm cho coâng chuùng phaûi ñeå yù. Töø thieän xaõ hoäi. – Nhieàu coá gaéng khaùc ñaõ ñöôïc thöïc hieän trong laõnh vöïc töø thieän xaõ hoäi, nhö vieäc xaây caát phoøng

phaùt thuoác, beänh vieän, nhaø baûo sinh. Phoøng phaùt thuoác quan troïng nhaát coù leõ laø phoøng cuûa Chuøa Xaù Lôïi, truï sôû cuûa Toång Hoäi, moãi ngaøy xem maïch vaø cho thuoác khoâng laáy tieàn cho treân 200 beänh nhaân ngheøo. Phoøng do moät Baùc só hoäi vieân cuûa Hoäi Phaät Hoïc Saøi Goøn ñieàu khieån, coù hai thaày Sa di töï hieán thaân laøm trôï taù, vaø naêm Baùc só chuyeân khoa giuùp söùc, khi höõu söï.

Hai Kyù nhi vieän, coâng trình cuûa caùc Ni coâ, hoaït ñoäng thöôøng xuyeân taïi Saøi Goøn vaø Ñaø Laït. Caùc gia ñình lao ñoäng, khoâng phaân bieät chuûng toäc vaø toân giaùo, ñeàu ñöôïc ñem con ñeán gôûi khoûi maát tieàn. ÔÛ Saøi Goøn, moät Ban Töø Thieän, goàm maáy traêm baø giaøu loøng traéc aån, cöù moãi thöù naêm laø ñi thaêm hoaëc moät beänh vieän hoaëc moät baûo sinh vieän ñeå an uûi vaø phaùt quaø cho beänh nhaân vaø saûn phuï ngheøo. Ngoaøi nhöõng cô quan töø thieän aáy, toaøn do caùc haøng hoäi vieân cö só boû tieàn ra saùng laäp vaø cung caáp chi phí, neân noùi theâm veà nhöõng coâng cuoäc chaån teá ñaëc bieät maø giaøu ngheøo ñeàu chung goùp, moãi khi coù tai trôøi aùch nöôùc, nhaát laø khi coù nhöõng vuï hoûa tai raát thöôøng xaûy ra trong xöù. Maáy doøng sô löôïc veà Phaät giaùo hieän ñaïi ôû Vieät Nam chöùng toû raèng haøng tu só vaø cö só, duø phaûi gaëp caûnh khoù khaên cuûa moät xöù chòu naïn binh ñao keå ra töø naêm 1941, vaãn coá gaéng phi thöôøng, chaúng nhöõng ñeå baûo toàn moái tín ngöôõng cuûa mình, maø coøn laøm cho noù phaùt trieån vaø truyeàn cho noù moät luoàng sinh khí hôïp vôùi caên baûn cuûa Ñaïo Phaät laø Töø bi. Söï coá gaéng aáy caøng ñaùng taùn thaùn hôn nöõa khi chuùng ta bieát raèng ñeå thöïc hieän hai chöõ Töø bi, caùc haøng Phaät töû luoân luoân troâng caäy ôû söùc mình, khoâng coù moät söï ngoaïi hoä naøo caû.

Coâng cuoäc chaán höng thieân veà xaõ hoäi, nguoàn caûm höùng cuûa taát caû nhöõng hoaït ñoäng cuûa Toång Hoäi Phaät giaùo Vieät Nam, laø moät saùng kieán hay. Chaéc chaén vôùi söï vaõn hoài hoøa bình, nhieàu keát quaû khích leä hôn nöõa seõ thu hoaïch ñöôïc ñeå laøm raïng veû toät ñoä uy danh cuûa Ñaáng Thieân Nhaân Sö.

NHÖÕNG ÑOÙNG GOÙP
CUÛA PHAÄT GIAÙO
CHO NEÀN MYÕ NGHEÄ, VAÊN CHÖÔNG
VAØ TRIEÁT HOÏC ÔÛ VIEÄT NAM

Töø Trung Hoa Phaät giaùo ñöôïc truyeàn sang Vieät Nam loái cuoái theá kyû thöù hai, nghóa laø caùch nay treân moät ngaøn baûy traêm naêm, sau Khoảng giaùo. Boán traêm naêm sau, lieàn khi Vieät Nam chaám döùt quyeàn ñoâ hoä cuûa ngöôøi Trung Quoác, Phaät giaùo baét ñaàu phaùt trieån maïnh, nhôø söùc hoä trôï cuûa caùc quoác vöông, vaø töø ñoù tieáp tuïc baønh tröôùng khoâng giaùn ñoaïn luoân caû veà hai

maët roäng vaø saâu, daàu raèng ñaõ phaûi coù ñoâi khi gaëp söï tranh chaáp ñoá kî cuûa Khoảng giaùo vaø Laõo giaùo. Traûi qua moät khoaûng thôøi gian lòch söû khaù laâu, töø naêm 968 ñeán 1314, Phaät giaùo coøn ñöôïc naâng cao leân ñeán haøng quoác giaùo. Döôùi hai trieàu Lyù, Traàn, nhieàu vua ñöùng ra neâu göông tu haønh tinh taán, thaäm chí coù vò ñaõ töø ngoâi laùnh tuïc, vaøo nuùi tham thieàn. Chuyeän

nghó cuõng laï vaø giaù khoâng bò baét buoäc phaûi ñöùng yeân trong phaïm vi baøi thuyeát trình naøy, coù leõ toâi ñaõ thöû nghieân cöùu tröôøng hôïp cuûa caùc vò ñaïo taâm cao caû naøy vaø chaéc seõ coù nhieàu thuù vò. Nhö ñaõ noùi, Phaät giaùo thôøi baáy giôø chieám moät ñòa vò gaàn nhö ñoäc toân. Ñòa vò aáy, ñeán ngaøy nay, Phaät giaùo coøn naém giöõ, ñaønh raèng khoâng phaûi coâng khai nhö thuôû xöa, maø trong thaâm taâm cuûa moät ña soá raát quan troïng. Cöù vaøo ñaây maø xeùt thì deã ñoaùn bieát aûnh höôûng cuûa Phaät giaùo lôùn lao nhö theá naøo ôû treân ñaát Vieät vaø nhöõng gì quí baùu maø Phaät giaùo ñaõ coáng hieán cho vieäc xaây döïng neàn luaân lyù vaø ñaïo ñöùc cuûa moät daân toäc hieàn hoøa, chaát phaùc, hình nhö sinh ra laø ñeå nghinh ñoùn ñaïo Töø bi. Chính döôùi neùt ñaäm Töø bi naøy cuûa con ngöôøi ñöùc Phaät maø giaùo lyù cuûa ngaøi ñöôïc ngöôøi daân Vieät hieåu bieát vaø taùn thaùn. Caùc ngheä só, hieàn trieát, vaên nhaân thôøi xöa, khoâng ai laø khoâng nhuaàn thaám ñaïo Töø bi; ñeán nay vaãn coøn ñoâng soá ngöôøi trong ba giôùi naøy tieáp tuïc chòu aûnh höôûng göông xaû thaân cöùu ñôøi cuûa Phaät toå. Moät taùc giaû Taây phöông, khi veõ laïi con ñöôøng lòch söû cuûa neàn Trieát hoïc Trung Hoa, coù vieát: "Phaät giaùo laø aûnh höôûng ngoaïi quoác ñaàu tieân ñaõ thuùc ñaåy maïnh böôùc tieán

trieån cuûa daân toäc Trung Hoa treân phöông dieän taâm lyù, nhôø ñoù chaúng nhöõng toân giaùo maø caùc ngaønh khaùc cuûa neàn vaên minh trong nöôùc ñeàu ñöôïc phuïc sinh, vun boùn vaø phaùt ñaït ñeán cöïc ñoä. Baát luaän ai, daàu laø ngöôøi chöa töøng hieåu bieát ñôøi soáng tinh thaàn cuûa daân Trung Hoa ñi nöõa, chæ moät lieác maét qua nhöõng coâng trình tuyeät taùc cuûa ngheà naën töôïng cuõng nhaän raèng neàn myõ ngheä xöù naøy ñaõ baét nguoàn thaâm saâu ôû tinh hoa Phaät giaùo, cho ñeán noãi khi Phaät giaùo ñaït ñeán möùc toái huy hoaøng, thì myõ ngheä cuõng theo ñaø maø ñôm hoa keát quaû sum maäu laï thöôøng".(1) P 0F P

Chuùng toâi töôûng lôøi nghieäm xeùt cuûa taùc giaû coù theå chuyeån sang nguyeân veïn cho Vieät Nam, khoûi söûa ñoåi moät ñieàu naøo, ñoái vôùi khoa kieán truùc, ñieâu khaéc vaø hoäi hoïa. Nhöõng chuøa chieàn, tranh töôïng coøn soùt sau nhöõng tang thöông do thôøi gian vaø chieán tranh gaây ra, cuõng nhö nhöõng coâng trình khaûo coå tröôùc naêm 1945, ñeàu chöùng toû aûnh höôûng to taùt cuûa Phaät giaùo trong ñòa haït naøy. Giaùo sö Paul Mus cho raèng trong vaøi xöù vaø ñöùng veà moät vaøi phöông dieän, nhaø ngheä só thöôøng gaàn caùc thieän tín hôn laø nhaø tu só ñeå dieãn ñaït nhöõng gì hoï quí chuoäng vaø lo nghó haèng ngaøy. Ñieàu aáy haún ñaõ

vaäy, nhöng ôû Vieät

(1) E. V, Zenker – Histoire de la Philosophie chinoise, do G.Lepage dòch, Payot. Paris, 1932.

Nam, vai tuoàng ñoù, nhaø ngheä só hình nhö ñaõ nhöôøng laïi cho nhaø vaên só, nhöùt laø thi só, vaø nhöõng thi só naøy cuõng laø nhöõng baäc trieát gia xuaát saéc. Sôû dó nhö theá laø vì daàu bieát thích ngaém nhöõng caùi daùng myõ mieàu, nhöõng maøu saéc caân ñoái, ngöôøi Vieät Nam vaãn chæ caûm xuùc thaät söï trong nhöõng rung ñoäng cuûa aâm thanh. Taïi sao theá? Thaät khoù maø giaûi thích. Xu höôùng ñoù laøm cho ngöôøi Vieät raát meâ thích ca nhaïc, chaúng nhöõng loái nhaïc cuûa ñôøn saùo maø thoâi, maø coøn vaø nhöùt laø loái nhaïc khoâng keùm du döông vaø uyeån chuyeån cuûa caâu thi lôøi phuù. Vì vaäy, chuùng toâi thieát nghó, muoán bieát nöôùc Vieät ñaõ höôûng ñöôïc nhöõng lôïi laïc gì sau möôøi baûy theá kyû quy y Phaät phaùp, caàn phaûi höôùng söï tìm toøi veà neûo vaên chöông hôn laø veà neûo myõ ngheä. Saùch vôû môùi thaät laø kho taøng cuûa tö töôûng. Vaø cuõng khoâng caàn moi tìm ôû ñaâu nöõa, vì trong Vaên chöông ñaõ coù saün Trieát hoïc, baèng côù laø ít coù moät aùng vaên hay naøo maø trong ñoù khoâng loàng moät vaøi trieát lyù hay luaân lyù. Ñeán ñaây, caàn phaûi ñi luøi laïi theá kyû thöù saùu, luùc caùc am töï vöøa laø nhöõng nôi phaùt huy aùnh saùng cuûa ñaïo Phaät, vöøa laø loø ñaøo taïo caùc böïc tao nhaân maëc khaùch. Neân nhôù raèng thôøi aáy khoâng coù tröôøng coâng, vaø trong ñaùm thanh nieân ít ngöôøi hoïc Nho, ngoaïi tröø nhaø Sö. Caûm thaáy trong giaùo phaùp Phaät ñaø coù nhöõng ñaïo lyù cao sieâu, huyeàn dieäu,

caùc tu só, baát maõn vôùi loái khaåu truyeàn, beøn coá gaéng hoïc Haùn töï ñeå tham khaûo kinh ñieån cho ñeán choã tinh vi. Ñôøi naøy sang ñôøi khaùc ñaõ thaønh moät caùi leä, kòp ñeán khoaûng giöõa naêm 1010 vaø 1225, döôùi trieàu nhaø Lyù, ngoaøi choán Thieàn moân, thaät khoù maø tìm moät thi só coù taøi. Thieàn moân thaät, vì caùc vaên gia noåi tieáng thôøi aáy ñeàu laø nhöõng Thieàn sö do caùc Toå Thieàn toâng töø Trung Hoa sang ñaøo luyeän. Tuy saâu xa khoù hieåu cho ñaïi chuùng, vaên phaåm cuûa caùc ngaøi khoâng vì leõ ñoù maø khoâng laøm taêng uy theá cuûa Phaät giaùo luùc aáy ñaõ lan traøn gaàn khaép nôi. Töø theá kyû thöù möôøi laêm, tình theá bò ñaûo loän: Nho giaùo ñaõ thaéng Phaät giaùo vaø ñöôïc nhaø vua tin duøng, uûng hoä. Tuy thaát baïi choán trieàu trung, Phaät giaùo vaãn soáng vöõng trong taâm hoàn cuûa daân chuùng ñaõ ñöôïc maáy traêm naêm giaùo hoùa, ñeå roài nhaân phong traøo "Tam giaùo qui nhöùt" ôû Trung Hoa maø phuïc phaùt moät caùch maïnh meõ nhö tröôùc. Caùc Nho gia hình nhö cuõng nhaän chòu phong traøo aáy, cho neân sau moät luùc do döï, ñaõ cuøng caùc böïc tieàn boái Trung Hoa, cho raèng muoán coù moät thöïc hoïc, caàn phaûi tham baùc Tam giaùo laø Nho, Thích, Ñaïo. Nhôø phong traøo aáy, maø phaïm vi hoaït ñoäng cuûa vaên chöông vaø trieát hoïc ñöôïc nôùi roäng ra nhieàu.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 39

Nhöõng tieán boä veà maët vaên chöông trong thôøi kyø vöøa noùi thaät ñaùng keå, nhöng chöa quan troïng baèng nhöõng keát quaû thaâu löôïm ñöôïc ôû hai theá kyû 17 vaø 18, sau khi "chöõ noâm" ñöôïc saùng taïo. Coøn luùc naøo thuaän hôn cho vieäc truyeàn baù tö töôûng? Taùc giaû vaø ñoäc giaû chung noùi moät thöù tieáng, taát caû nhöõng trôû ngaïi vì aâm thanh baát ñoàng, vì loái noùi xuoâi ngöôïc do chöõ Nho taïo ra, ñeàu bò chöõ noâm deïp heát, thaønh ra söï hoïc hoûi ñöôïc deã daøng vaø mau leï hôn moät phaàn naøo. Söï kieän aáy ñaõ giuùp raát nhieàu cho coâng cuoäc baønh tröôùng phong traøo Tam giaùo qui nhöùt. Nay xin xeùt sô phong traøo naøy. Tröôùc heát neân ghi raèng, tuy coù söï tin töôûng sai khaùc giöõa ba moái ñaïo, ôû Trung Hoa cuõng nhö ôû Vieät Nam, chöa heà coù moät söï cuoàng tín ñeán ñoãi gaây hoïa ñoå maùu nhö ôû moät vaøi nôi treân theá giôùi. Laïi nöõa, trong khi tìm hieåu giaùo lyù cuûa ñoái phöông ñeå deã chieán thaéng, moãi ñaïo coù leõ ñaõ thaáy, tuy ngoaøi coù choã traùi ngöôïc nhau, ba giaùo töïu trung vaãn ñoàng treân moät caên baûn. Thí duï: Nho giaùo tin ôû quyeàn thöôûng phaït cuûa Trôøi, nhöng cuõng nhìn nhaän traùch nhieäm cuûa ngöôøi. Theá thì giöõa thuyeát naøy vaø luaät nghieäp baùo, söï sai khaùc quaù moûng manh khieán cho ñoâi beân khoâng theå naøo khoâng dung hoøa ñöôïc. Vaû laïi, daàu ai noùi gì ñi nöõa, caùi thöïc duïng chuû nghóa cuûa Nho giaùo quaù thieân veà vaät chaát

40 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

cho neân khoâng laøm sao thoûa maõn ñöôïc nhöõng khaùt khao veà maët thieâng lieâng, huyeàn bí laø söï khao khaùt chung cuûa nhaân loaïi. Thaät theá, thöû hoûi treân theá gian naøy, daân toäc naøo khoâng tìm toøi xem bieát coi caûnh beân kia theá giôùi laø nhö theá naøo, cheát roài seõ ra sao, töông lai coù nhöõng gì, v.v..., toaøn laø nhöõng caâu hoûi maø khoâng sao kieám ñöôïc caâu traû lôøi döùt khoaùt trong giaùo lyù cuûa hoï Khoång. Caùc vaên gia thi só cuûa Vieät Nam chaéc khoâng traùnh khoûi nhöõng thaéc maéc vöøa keå. Thieát nghó coù giaûi thích nhö theá naøy môùi hieåu ñöôïc nguyeân uûy vieäc xaùo troän nhöõng tö töôûng raát caùch bieät nhau ôû choã nguoàn coäi. Ñöùng veà maët thöïc haønh, phaûi nhìn nhaän raèng chuû tröông Tam giaùo qui nhöùt raát laø hôïp lyù, vì beà ngoaøi laø hôïp maø beà trong coù chia, vaø chia ñaây chæ laø chia phaïm vi hoaït ñoäng vaø aûnh höôûng theá naøo cho caân xöùng vôùi tính caùch cuûa moãi ñaïo. Ñaïi khaùi, Nho giaùo thì lo veà nhaân söï, tu teà nhö theá naøo ñeå ñi ñeán choã trò bình, coøn Phaät giaùo vaø Ñaïo giaùo thì lo giaûi quyeát nhöõng vaán ñeà cao sieâu hôn. Ñöùng veà maët thuaàn tuùy maø xeùt, söï xaùo troän ba ñaïo nhö vöøa noùi, thaät khoâng phaûi laø moät vieäc ñaùng mong, nhöng neáu ñöùng veà keát quaû maø luaän, thì thaáy raèng nhôø coù söï xaùo troän ñoù maø loøng ngöôøi döôøng nhö bôùt xao xuyeán lo aâu, taùnh tình phong tuïc môùi ñöôïc toát ñeïp, chöa keå caùi

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 41

vieäc giuùp cho quaûng ñaïi quaàn chuùng thaâm nhieãm ñöôïc ñoâi phaàn nhöõng giaùo lyù phoå thoâng maø moãi ñaïo caàn phaûi truyeàn baù vì söï lôïi ích rieâng cuûa chính mình. Khaûo cöùu tæ mæ ñöôïc nhöõng aùng thi ca baèng chöõ noâm – chuùng toâi khoâng noùi ñeán nhöõng vaên xuoâi, vì thôøi baáy giôø loaïi vaên naøy raát ít – chaéc chaén seõ laøm saùng toû phöông dieän lôïi laïc cuûa caùi maø ngöôøi baát thöùc thöôøng xem nhö moät moùn "taû bính luø" hay nhö moät taø giaùo khoù tha thöù. ÔÛ ñaây chuùng toâi xin pheùp daãn Truyeän Kim Vaân Kieàu laøm thí duï. Truyeän Kieàu laø moät aùng vaên vaàn tuyeät taùc, khoâng tieàn khoaùng haäu, aâm thanh tao nhaõ, thi vaän eâm ñeàm, khieán cho ngöôøi ñoïc deã caûm, huoáng chi töøng hoài laïi coøn theâm nhöõng yù töù cao sieâu ñöôïm nhuaàn höông töø bi giaùc ngoä. Thaät khoâng quaù ñaùng maø noùi raèng, vôùi bao nhieâu nhaân tình theá thaùi raát gaàn vôùi ñôøi soáng xaõ hoäi thöïc teá ñaõ ñöôïc dieãn taû thaàn tình trong ñoù, Truyeän Kieàu coù moät hieäu löïc baèng caû ngaøn saùch luaân lyù hay trieát hoïc trong coâng cuoäc chieán ñaáu ñeå ñem thaéng lôïi veà cho Töø bi, Hyû xaû, Thanh cao. Ngay ñeán thôøi baây giôø, daàu xa caùch haøng traêm naêm vaø daàu daân trí coù höôùng veà taân hoïc, Truyeän Kieàu vaãn coøn ñöôïc keû naøy xem nhö moät quyeån Vieät ngöõ baùch khoa hay nhö moät kinh vaên toân quí, ngöôøi khaùc nhö moät khuoân vaøng thöôùc ngoïc cho vieäc xöû theá tieáp vaät. Coøn

ñoái vôùi taát caû, coù theå noùi ñoù laø moät quyeån Phaät giaùo yeáu löôïc cho haïng sô cô raát laø tieän lôïi. Ñöôïc moïi giai caáp xaõ hoäi noàng nhieät ñoùn tieáp, nam thích maø nöõ cuõng öa, Truyeän Kieàu ñaõ ñem ñeán vaø coøn tieáp tuïc ñem ñeán cho moïi nhaø aùnh saùng Giaùc ngoä, söï thöùc tænh veà luaät nghieäp baùo nghieâm minh, loøng haâm moä söï an laïc cuûa nhöõng taâm hoàn voâ duïc vaø... khuyeân baûo moïi ngöôøi phaûi deø daët, ñöøng laøm ñieàu thaát nhaân toån ñöùc maø phaûi chòu taùi sanh trong ñau khoå. Coù ngöôøi seõ baûo: nhö theá thì quaù taàm thöôøng, chöa phaûi laø Phaät giaùo. Vaâng, nhöng nhöõng taâm hoàn thô ngaây coù ñoøi hoûi nhieàu hôn ñaâu vaø chính hoï môùi laø nhöõng ngöôøi ñaùng ñeå yù, vì hình nhö taïi coù hoï môùi coù toân giaùo... Tröôùc khi chaám döùt baøi thuyeát trình ngaén nguûi naøy, xin noùi theâm raèng, cho ñeán ngaøy nay, Phaät giaùo vaãn coøn laø nguoàn caûm höùng cho kòch giôùi, nhieàu thuaàn phong myõ tuïc ñeàu nhôø Phaät giaùo maø toàn taïi, nhieàu truyeän xöa tích cuõ chòu aûnh höôûng ñaïo Phaät coøn ñöôïc ngöôøi trong xöù öa thích, nhieàu ca dao, caùch ngoân coøn caên cöù treân neàn taûng Phaät giaùo. Neáu Phaät giaùo laø nguoàn nöôùc ñeå giaûi khaùt cho haøng trí thöùc, Phaät giaùo cuõng laø gioït söõa ñeå nuoâi döôõng nhöõng ñaïo taâm noàng nhieät, laø ngoïn ñuoác soi ñöôøng cho keû say meâ laïc loái, laø bôø giaùc ñeå cho ngöôøi ñaém ñuoái quay veà. Cöûa Thieàn laø nôi maø caùc böïc tín taâm ñeán chieâm

ngöôõng maø cuõng laø ñaùm vöôøn xanh giöõa baõi sa maïc chôø ñoùn nhöõng ai quaù khoå vì noùng böùc. Vì thaám nhuaàn ñôøi soáng haèng ngaøy cuûa daân

chuùng moät caùch maät thieát nhö theá, ñaïo Phaät hieän nay ñaõ trôû thaønh moät nhu caàu toái yeáu cho ngöôøi daân Vieät. Tröôùc kia laø moät ñaïo cuûa xöù ngoaøi, Phaät giaùo nay laø moät ñaïo cuûa daân toäc.

44 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

BUDDHISM IN VIETNAM

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 45

Gioù ñöa caønh truùc la ñaø Tieáng chuoâng Thieân Muï, canh gaø Thoï Xöông

...In 1601, Nguyeãn Hoaøng ordered the Thieân Muï temple to be built, which is still to be seen at Hueá. A pagoda of seven storeys and exceptionally resonnant bell are the pride of this famous temple...

... En 1601, Nguyeãn Hoaøng ordonna la construction de la pagode Thieân Muï qui existe encore aujourd'hui aø Hueá. Un stupa de sept eùtages et une cloche d'une reùsonance extraordinaire sont l'orgueil de ce temple monumental...

Chuøa Thieân Muï – Hueá

46 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

BUDDHISM IN VIETNAM

I. THE INTRODUCTION OF BUDDHISM Opinions differ as to the exact date of the introduction of Buddhism to Vietnam but it is most likely to have been in about the year 189 of the Christian era. It was probably a former Taoist who had become a Buddhist, Meou-Po, a Master from You-tcheou, China, who was responsible for making known the Buddhist teaching in Vietnam. Before him other missionaries, such as Maõrajóvaka, Kalyaõnaruõci and K'ang-seng-houei, had come from China or arrived by sea, and had stayed some time in Giao Chau, cradle of the present Vietnam. It is highly likely that they expounded the Doctrine and thus prepared the way for Meou-Po.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 47

At this time Vietnam was attached to Imperial China, interested only in the propagation of onfucianism. Buddhism was barely tolerated and only known in its outward form. A few unsignificant efforts were made to spread the Doctrine but out of an extremely rich Buddhist literature only a few suõtra (discourses) were known in Chinese translations.

II. GROWTH a) Begining. From 544 to 602 Vietnam enjoyed a brief period of independence, which was favourable to the expansion of Buddhism. But progress was still slight and it was not untill the third period of Chinese domination from 603 to 939 that it really began to get under way. A decisive factor was the arrival of two missions. The first in 580 was led by Venerable Vinitaruci, an Indian by birth who was later recognized as the first Patriarch of the Zen sect in Vietnam. The second, in 820, was

conducted by Venerable Vo Ngon Thong, who founded another separate Zen sect. The country had 20 stupas (shrines) in which to house the precious relics, offered as a diplomatic gift by the Chinese Emperor, as well as many

48 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

temples and some 500 monks, many of whom were famous for their great knowledge and strict discipline.

b) Pause (939 – 968) In 939 Ngo Quyen having expelled the last Chinese governor and defeated the Imperial army that was sent against him, declared himself king, thus bringing to an end more than a thousand years of foreign domination. But the Ngo dynasty, weakened by internecine conflicts, only held the throne for a while. It fell amid the fire and blood of the "Rebellion of the Twelve Lords", one of whom, Dinh Bo Linh, emerged victorious from the struggle and assumed the title of Emperor. In this period the Buddhism in Vietnam had marked a pause but in China, it was submitting under a terrible persecution.

c) Prosperity (969 – 1009) With the coming to power of Dinh Bo Linh, who became a protector of Buddhism, began an era of prosperity for the Doctrine, which lasted untill 1009, during which the religion assumed the character of a popular belief.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 49

At Phat Da monastery lived the monk Ngo Chan Luu, who was a refined scholar, a talented poet and moreover advanced in the Zen practice of meditation. The Emperor having heard good reports of him, invited him to expound the Dharma at court and was so satisfied with his teaching that he placed him at the head of the Sangha (Community of Buddhist monks), that he had just created. A year later the sovereign confered on Ngo Chan Luu, the honour of making him an Imperial Councillor, with the complimentary title Khuong Viet (Servant of Vietnam), in order to express his appreciation of the latter's sound advice on publice affairs. The Le dynasty succeeded that of the Dinh (980 – 1909), and continued to favour the Sangha, and also to listening to the advice of monks like Ngo Chan Luu on political as well as religious matters. It was under this dynasty that, for the first time, a Vietnamese embassy was sent to China in order to bring back a complete collection of the Tripitaka (Buddhist texts). One particular fact helps to explain the privileged position of Buddhism under the Dinh and Le. Since the year 187 people in Vietnam had been taught to read and write Chinese characters, as a result of Chinese domination. But this instruction was limited to a small

50 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

elite, apart from the Buddhist monks who hoped to find in Chinese translations the essence of a Doctrine, the purely oral transmission of which seemed to them to be insufficient. Cultured men were therefore to be found in the restricted circle of monks who were respected throughout the country not only for their spiritual attainments

but also for their vast learning. To the Vietnamese, as to the Chinese of the time, the scholar was highly valued as a man of letters, as well perhaps as a poet, moralist, lawyer, astrologer, doctor or palmist: from which it can easily be imagined with what veneration the monks, who in the public eyes were the repositories of the learning of the Great Masters of China, were surrounded.

d) Flourishing under the Ly (1010 – 1225) The last ruler of the Le dynasty was a cruel despot. His death was the signal for a palace revolt which brought to power Ly Cong Uan, one of the principal mandarins. Pupil of Venerable Co Phap and former disciple of Venerable Van Hanh, Ly Cong Uan ascended the throne in 1010, from which date he was known as Ly Thai To. To the history of Vietnamese Buddhism he has left the memory of one of the greatest spiritual figures. Under his rule the progress of Buddhism was assured; the

prestige of numerous Zen masters, such as Van Hanh, Da Bao and Sung Pham, adding particular brilliance to the teaching and practice of the Dharma. Ly Thai To died in 1028. His successors, such as Ly Thai Ton (1028 – 1045), who was a most devout Buddhist, proved worthy of the examples of devotion that they had been set. Ly Thai Ton is thought to have attained satori (insight) while under the instruction of his guru (teacher) the Venerable Thien Lao of the Vo Ngon Thong sect. Among the most notable events marking the expansion of Buddhism during his reign, the construction on the orders of the Emperor of 95 temples, accompanied by many ceremonies and an exemption from taxes in 1031, the restoration of all images of the Buddha and another fiscal amnesty in 1036 and finally the construction of the Dien Huu temple, in 1049, must be mentioned. This temple was inspired by a dream, in which the Emperor saw himself led to the Lotus Palace by the Bodhisattva Avalokiteshvara, and it explains why he had it built in the unusual form of one column in the midst of an artificial lake. This historic monument, which was one of the most famous in Ha Noi, where it was popular known by the name of Chua Mot Cot (the

Temple of the single column), was the object of vandalism by unknown hands in 1954, shortly before French troops withdrew from the capital of the North. Fortunately it was possible to restore it with the help of plans kept in the archives of the French School of Far Eastern Studies. Ly Thanh Ton, who succeeded Ly Thai Ton in 1054, was a living image of Buddhist compassion. Surrounded as he was by the magnificence of court life he nevertheless remembered the unhappy lot of the poor and the sufferings of those in prison, especially during the winter. His reign was marked by the frequent distribution of food and clothing to poor families and by the remission of many prison sentences; in which respect he emulated Asoka, the Buddhist Emperor of India of the third century B.C., noted for his social works. He died in 1072 but three years before his death, in 1069 to be precise, a significant event occured. At that time the country was at

war with the kingdom of Champa, a turbulent neighbour, whose frequent incoursions into Vietnamese territory caused great alarm. The Emperor returned from an expedition against Champa with a number of prisoners of war, whom he offerded as slaves to the mandarins of his court. It so happened that one of the mandarins was a

Buddhist monk, who was surprised to find that, during his temporary absence, someone had made corrections to his collection of Buddhist writtings. A rapid inquiry revealed that the corrections were the work of one of the slaves presented by the Emperor. When the latter heard of it he sent for the man and questioned him closely about the Dharma. The prisoner answered all the questions in such a way that everyone marvelled at his learning, and it was in fact discovered that he was the Chinese Master Thao Duong, who happened to be on a preaching tour outside his own country when he was captured. He was at once admitted to the Vietnamese Sangha and allowed to expound the Dharma at the Khai Quoc temple. He attracted many disciples and later established a new Zen sect, which still bears his name. The sovereign himself was interested in this sect and like his ancestor is thought to have attained enlightenment. Ly Thanh Ton was succeeded by Ly Nhan Ton (1072-1127). Confucianism, as we have seen had already been introduced by a previous monarch, and now it entered into the intellectual life of the country on the occasion of the first competitive examination instituted by Imperial Decree for selecting mandarins. But the new movement did not harm Buddhism, which continued to

prosper under official patronage. Many writings of the time show the profundity of contemporary Buddhist thought, represented for example by Venerable Vien Chieu, Ngo An, and Kho Dau. Like Khuong Viet under the Dinh and the Le, the latter filled for a while the important post of Imperial Councillor. From 1128, untill the end of the Le dynasty in 1225, three Emperors were interested in following Zen meditation and practice. The last even became a monk himself, abdicating in favour of his daughter, who in her turn transfered her authority to her husband Tran Canh, the founder of the Tran dynasty. Throughout Vietnamese history Buddhism was never so flourishing as under the Ly dynasty: during eight reigns spread over a total of 215 years, the religion of Sakyamuni was the only one worshipped and honoured. This imperial support was a genuine act of devotion, insprired as much by the sublime teachings of the Buddha as by spiritual calibre of the followers of the Doctrine.

III. DECAY During the first seventy years of the Tran dynasty, the expansion of Buddhism slowed down, though it

maintained its importance despite the advances made by Confucianism. The founder of the dynasty himself and his grandson, crowned in 1278, were held to be even more devout than the Emperors of the Ly dynasty. Vietnames Buddhism is indebted to the

former for many favours and an unreserved support and also for two treatises, one on meditation and the other on the Doctrine in general, both of which are of a high religious and literary standard. His grandson abdicated after a reigh of fifteen years, in order to retire to a monastery on Mount Yen Tu, where he devoted himself to the practice of Zen and the instruction of numerous disciples. In North Vietnam he is considered the first of the three patriarchs of the Truc Lam (Bamboo Forest) sect. But it seemed that Buddhism had already attained the height of its ascendancy. In 1414 Vietnam again fell under Chinese domination; this time for ten years. Under the influence of the Minh dynasty a new impetus was given to Confucianism, which produced significant developments in philosophy and literature. The influence of Taoism grew also and there was an influx of Tibetan Buddhism in its Tantric form. At the same time the

56 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Chinese governors confiscated all Buddhist books and had Buddhist temples systematically destroyed. Vietnam regained its independence in 1428 but this did not help Buddhism very much. The Emperor Thai To of the later Le dynasty instituted an examination for monks: those who failed had to return to lay life. Thirty years later repressive measures were introduced, which interfered with the monks and prohibited the construction of new temples. Buddhism retained its support among the people as a whole but it lost its original purity and degenerated into a mixture of different ideas or syncretism. Between 1528 and 1802 the struggle for power between the lords of Trinh in the North and the lords of Nguyen in the South favoured the creation of new Zen sects, under Chinese masters, and the building of temples, as both factions wanted the support of the people, who were profoundly attached to Buddhism. The rebuilding of the temples Quynh Lam and Sung Nghiem, ordered by the lord Trinh Giang in the North, is famous on account of the tremendous amount of work involved; 6.000 craftsmen and builders working day and night for a whole year.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 57

The lords of the Nguyen in the South showed a similar zeal. In 1601 Nguyen Hoang ordered the Thien Mu temple to be built, which is still to be seen at Hue. A pagoda of seven storeys and an exceptionally resonnant bell are the pride of this famous temple. Encouraged by Nguyen Hoang many Chinese monks travelled around the country, expounding the Doctrine, and they were responsible for building most of the temples in and near Hue, so that they are well remembered. The Nguyen restored national unity but Buddhism became in their hands an instrument for consolidating political power. The monks were simply custodians of official temples and had to be on hand to preside at ceremonies. The essence of Buddhism was so obscured that there was a general slackness in the monasteries and people imagined that the Buddha was a sort of god, who would reward them if they gave him presents. The situation became worse still with the advent of French colonisation in the second half of the nineteerth century. For the ensuing period of eighty years or so Buddhism was actively menaced

by Roman Catholicism and was subject to many repressive measures, such as control of the monks, necessity to obtain permission to

58 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

build temples, restrictions on the right of the Community to accept gifts and legacies etc. Serious monks therefore prefered to live a solitary life, which left the field open for those who indulged in "priestcraft". The later, who naturally had only their own interests at heart, furthered the development of the syncretism already mentioned, so that Buddhism in Vietnam presented the sorry sight of a religious hotch-potch, camposed of mysticism, Tantrism, animism and polytheism.

IV. MORDERN BUDDHISM Starting in 1920, after the manner of similar events In Nationalist China, a new movement was launched simultaneously in the three main regions of Vietnam: North, Centre and South. The movement aimed at a regeneration of Buddhism and even serious obstacles were not able to stop it. But it was not untill 1931 that the first Association of Buddhist Studies was founded at Saigon Similar associations were founded at Hue in 1932 and Ha Noi in 1934. Each association naturally had its own programme but, composed as they were of both monks and laymen, it was their task to improve conditions in the monasteries, tighten up discipline, instruct a new generation of monks,

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 59

who should be both devout and well educated and finally to ensure a wide diffusion of the Doctrine in the language of the country and not, as in the past, through the medium of Chinese characters. With such aims in view many magazines and translations from the Buddhist Canon, both Theravadin (Southern) and Mahayanist (Northern), were published. It is paradoxical that while Zen lost its influence it was Amidism that took its place, which it retains at the time of writing. This movement to revive Buddhism met with success and there was a change of opinion among the intellectuals, who were disillusioned with Western materialism. Many joined the movement and supported it not only financially but also with their help in the work of Buddhist instruction. Unfortunately the second World War just about put a stop to all these efforts but they began again in 1948 when the situation seemed a little clearer. At Ha Noi the communities of monks broken up by the war were reformed and the Buddhist community was reorganized, together with the Association of laymen. A year later, thanks to the initiative of Venerable To Lien and Tri Hai and the strong support of the laity, an orphanage, a school, a printing press and social works to help the victims of the war raging in the

60 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

countryside, were also established at Ha Noi. Similar reorganization was carried out at Hue. Ruined temples in several places were rebuilt or restored; old publications reappeared and authors and translators went back to work with energy. Two years later a new Association of Buddhist Studies came into existence at Saigon, to replace

the previous one that was no longer active. On May 6th, 1951, a national Buddhist Congress was held at Hue, attended by about fifty monks and laymen. Important resolutions were passed, concerning the unification of the three Associations, the reorganization in depth of the Sangha, the standardisation of ceremonies. Buddhist instruction for adults and the formation of Buddhist youth movements. The Congress further ratified the support given by Venerable To Lien, delegate from the North, to the World Fellowship of Buddhists, which came into existence as a result of the first World Congress held at Colombo in 1950. The second World Congress, held at Tokyo in September 1952, gave to Vietnamese Buddhism, now unified, an opportunity to show its vigour. The Singhalese delegation to this Congress were taking a relic of the

Buddha to Japan, aboard the French steamer "La Marseillaise", which had to stop for a day at Saigon. It was decided to accord a devout reception to this relic and under the auspices of unified Vietnamese Buddhism 50.000 people, who had assembled in less than six days, gave the capital of Vietnam an impressive view of faith, devotion and discipline such as had not been seen before. This peaceful demonstration had happy results. From the North to the South a reinvigorated Buddhism, warmly acclaimed, was able to broaden its scope and offset the effect of unorthodox sects. Since then social woks, schools for monks, private schools under Buddhist auspices and youth organizations have increased and flourished. Progress was made in making known Buddhist thought and it was only the partition of the country into two zones by the Geneva Agreement that hindered still more far-reaching results.

V. INFLUENCE OF BUDDHISM ON THE LIFE AND THOUGHT OF THE VIETNAMESE In theory there are three main religions in Vietnam: Taoism, Confucianism and Buddhism; but in fact there is only one, which is an amalgam of these three doctrines,

each of which represents a particular aspect of the whole. This state of affairs makes it difficult, if not impossible, to distinguish three separate religious communities among the Vietnamese. There are perhaps same people who follow either Taoism or Buddhism but they are in a minority. The bulk of the population remains unprejudiced and is not interested in sectarian distinctions. A Buddhist family for example will visit Taoist temples and perform the rites belonging to the Confucian cult of ancestors. Thought this confusion sometimes fosters superstitions practices and ignorance it also has its good points and exerts a tolerant influence on life and thought. Many scholars are really products of Buddhism, though they do not deny the principles of Confucianism. Even if there is no direct borrowing of ideas many Buddhist concepts such as impermanence, karma (action), causality, rebirth and earthly sufferings are found in their writings, so that there can be little doubt about their common origin. Buddhism has had a particularly strong effect on morals and behaviour. Even uneducated Vietnamese and non-Buddhists fear the results of bad actions conceiving

them in the symbolism of the "Ten Hells" and this fear often makes them avoid such actions, encouraging them instead to be kind. Strengthened by the Five Precepts, or basic morality of Buddhism, it is part of the reason for the gentle manners, which came to pervade Vietnamese life, thanks firstly to the opportunity for happiness out of the ordinary inherent in Amidism. Vegeterianism is followed by the laity on specific dates and is the standard diet for monks. It has the merit of mitigating the sanguinary instinct common to all. The influence of the three religions clear in the artistic field, where that of Buddhism is predominant, Architecture, painting and sculpture are often inspired by two of the key ideas of Buddhism, which are Purity and Compassion. The flower of the lotus is a frequent motif and the various representations of Avalokiteshvara are greatly venerated, especially by women.

VI. CONCEPTION AND PRACTICE OF BUDDHISM IN VIETNAM Though the movement for reform which started in 1920 achieved good results it is still far from reaching the goal put forward by its sponsors.

The efforts of these enthusiasts succeeded to some extent in throwing light on the essence of Buddhism and ridding it of certain excrescences – Vietnamese Buddhism remains faithful to the Mahayana tradition, of which the emphasis is on Compassion, as is well known, represented by the Bodhisattva doctrine, based on the exhortation of the Buddha: "Delivered, deliver; enlightened, enlighten". For this reason the supporters of the movement, monks and laity alike, continually try and improve their spiritual life and translate into action the truths that they have found in the texts. They now see ceremonies and moral precepts for what they are: means to attain wisdom and peace of mind, but not ends in themselves. They have a clear conception of Mahayana symbolism and undestand its essence. If they subsribe without resevation to the orthodoxy extolled by the Theravadins, who have had a group in Saigon for a few years now, they also accept the later works based on it by Nagarjuna. Asvaghosa, Vasubandhu and others, as well as Amidism or the Pure Land School, which they know to be the form of meditation most easily accessible to the majority.

VII. PRESENT POSITION OF BUDDHISM Under this chapter it is dealt with the actual situation of Buddhism in Vietnam seen from the standpoint of the General Buddhist Association of Vietnam. This Association, as compared with other coexisting groups, is by far the most important, the best organized, the only dynamic and also the only one that is officially recognized as being fully qualified to represent the millenary Buddhism of the country. For these purposes, it would not be necessary to mention further, still it is the only organization that reflects faithfully the genuine picture of the Vietnamese Buddhism. Moreover, it should be noted that the General Buddhist Association of Vietnam (G.B.A.) is a member of the World Fellowship of Buddhists since

the foundation of this latter in 1950 at Colombo. It has thus attended several international buddhist conferences and is in good relation with numerous buddhist countries in the world. Organization – Under the GBA's authority and general direction, are grouped, on the one hand, 3 Sanghas numbering well over 3.000 monks and about 600 nuns, on the other hand, three communities of disciples which branch out their ramification as far as to remote hamlets. The figures of adherents to these three legally constituted

lay associations and their affiliates reach about 1.000.000, to which it should be added an important number of no- associate disciples by as much as threefold. The responsibility is assighed as follows: the Sanghas are responsible for all spiritual tasks and to the lay communities comes the duty of relieving the religious from all material preoccupations. Propagation of the Dharma. – For the spiritual training of both associates and non associates, the propagation of the Dharma is organized on a large scale: weekly lectures in Saigon, periodical conferences in the provinces with utilization of radio – cars equipped with movies projectors, wide dissemination of magazines and vernacular pamphlets coming out of the GBA's press with a monthly rhythm of 30.000 copies. In addition, special courses are open, in Saigon and in its vicinities for commencing, to the intention of people who need a higher knowledge of the Doctrine. Activity of this kind is also assisted by the presence of numerous libraries provided with or without reading rooms. Formation of cadres. – The foregoing activities raised the problem of cadres resulting from the increasing number of monastic schools (4 in 1956, 10 in 1962) and

the creation of a Preaching Corps without mentioning the sending of young monks abroad to attend perfection courses (3 at Nava Nalanda Mahavihara, 4 in Japan). In monastic schools, the educational program is mixed, there the students learn canonical texts and the official curriculum as well. Many of them are attending or already terminated their high study at the Saigon and Hue Universities. Buddhist Youth. – Lay youths, aged from 8 to 20 years, are incorporated in a Youth Movement, known under the name of Gia ñinh Phat tu (Buddhist Family). Established in 1940, this widespreading Movement aims to give these youths a religious education, susceptible to make them, later on, fervent buddhists, practitioners, capable of sacrifices for the maintenance and expansion of their parents' religion, to become honest citizens and useful to the society. After 23 years of existence, this Movement, benevolently conducted by a 3.000 trainer Corps, numbers about 70.000 youngsters and unequally dividing into 1.000 groups from the city to the country. One fourth of these youngsters attend private, primary and secondary schools established by lay associations, and

thier brilliant success at different examinations began to attract the attention of the public. Social welfare. – Other efforts have been realized in the social welfare sphere, for instance the installation of sanitary units (clinics, dispensaries, maternities). Among these, the clinic at the Xa Loi Pagoda, GBA's head- office, is most important, where free medical cares are distributed to over 200 poor patients daily. It is conducted by a Doctor, member of the Association of Saigon, assisted by two young monks working as nurses and five specialists physicians for particular cases. Two day-nurseries are functioning in Saigon and Da Lat, where nuns gratuitously take care of the children from workers' families, without discrimination of race nor distinction of religion. Every week on Thursday, a Committee of Dames visit either a hospital or a maternity in Saigon to bring comfort and material aid to needy patients. To these social works, which are created, conducted and financed by members of lay communities, it should be added the special relief works contributed by both rich and poor to the benefit of victims of public disasters, more particularly fires which are frequent.

This brief statement on modern Buddhism in Vietnam shows the enormous efforts performed by both religious and laities of a country which is practically in war since 1940, to maintain not only their faith but also to develop and give it a vitality conformable to the fundamentals of Buddhism: the Compassion. This effort is more meritorious especially as it is fulfilled with their own means only without any external aid. The social reformative tendency inspired by all activities of the General Buddhist Association is a hilarious initiative. It is quite sure that with the return of peace, more encouraging results will be obtained to the mightiest glory of Buddha.

BUDDHISM'S
CONSTRIBUTION
TO ART, LETTERS AND
PHYLOSOPHY IN VIETNAM

Buddhism appears to have been introduced in Vietnam towards the end of the second century by way of China, having been preceded by Confucianism and Taoism. Four hundred years later, when Vietnam succeeded in freeing itself from Chinese domination, it progressed by leaps and bounds under the patronage of the ruling families. Since then, in spite of the antagonism of other rival religions, it continued to expand almost uninterruptedly both in extent as well as by conviction. During a particular epoch of history, from 968 to 1414 it was given the status of a State religion. Several emperors of the Ly and Tran dynasties even went so far as to practise what they preached: some as faithful followers,

some as monks proper, having abdicated and chosen the monastic way of life. A curious fact, this, and it would indeed be interesting to study it without necessarily digressing from the subject of the present paper. Vietnamese Buddhism continues to hold this supremacy in our own times, not in public life it is true, but in the hearts of a good majority of the people. It is therefore easy to understand how great an influence the Dharma of Buddha has had on the Vietnamese mind, and the generous contribution it has made to the moral and spiritual training of a people whose gentleness and simple outlook on life predisposed them to accept the "Religion of Compassion". The dominant trait in the person of the Great Teacher made his teaching known and felt throughout the country. The artist, the philosopher and the poet of those days imbibed it and many of those of modern times still continue to draw their inspiration from it. An European author, tracing back the history of Chinese philosophy(1) wrote: "Buddhism was the first P 1F P

foreign influence which had a powerful bearing on the evolution of Chinese thought; and the effect of such an

(1) E.V. Zenker, History of Chinese Philosophy, Translated by G. Le Page, Payot, Paris, 1932.

influence was to rekindle, stimulate and develop to the highest pitch not only the religion but also all the other spheres of its civilisation. A casual glance, even by one who is almost completely unaware of the spiritual world of China, at the plastic arts of China shows how completely they stem from the spirit of Buddhism and how wonderfully they blossomed forth during the Buddhist period..." without going too deeply into the matter, it can be said that this remark can apply word for word to the Vietnamese scheme of things as regards Buddhist influence in Vietnam on architecture, sculpture and painting. Those examples which have withstood the ravages of time and the havoc of war testify to what a degree art developed under this benign influence, as also the interesting and profitable research work done by archaeologists prior to 1945. But if in some countries and in certain respects the artist rather than the monks is closer to the community of the faithful in interpreting their interests and daily pursuits, a view which is held by Professor Paul Mus, in Vietnam it is actually the literateurs on whom this task devolves, especially on the poests who are also philosophers of note. That – for reasons which are difficult to explain – is because if the Vietnamese is

capable of expressing his wonder at the form and colour of things, cannot really be deeply stirred except by vibrations of sounds. This tendency makes him an ardent lover of the theatre, of music which is not only instrumental or vocal, but of words whose music is magic to his ears; in other words, Poetry. Hence we seem to have been guided not towards Art but towards Letters which are the true repositories of thoughts

– and Letters, only, assuming the rarity of literary works which are either lacking in philosophical reflections or which contribute nothing to the development of moral themes – if one is to know what good Vietnam has derived from her seventeen centuries of conversion to Buddhism. In order to do that it is necessary to go back to the sixth century when the monastries both centres for the spread of Buddhism as well as schools for training men of letters. There were no public schools and besides there were few young men who were keen to study the Chinese characters apart from the Buddhist monks who were prompted by a desire to delve deep into Chinese translations for the essence of a doctrine which they found wonderful but which failed to satisfy them because they were conveyed orally upto then. The tradition was passed on from one epoch to another so that between

1010 and 1225 during the Ly dynasty it was almost impossible to find a poet with more than average talent outside the religious circle, all the Masters of Dhyana from the famous School of Meditation stemming from the most famous School of China. While the themes developed by these poet-monks were generally beyond the comprehension of the general public, the work of these monks nevertheless contributed not a little towards raising the prestige of Buddhism which had already gained considerable popularity. The position was reversed at the beginning of the fifteenth century. The literary figures who were supporters of Confucianism profited by the existing rivalry and supplanted the Buddhists by winning imperial trust and favours. This defeat however was but temporary. The hold of Buddhism remained firmly anchored in the minds and hearts of the people and soon became as strong as it had been in earlier times from the birth in China of syncretism whose source also gave rise to Confucianism, Taoism and Buddhism. The literary luminaries of Vietnam had perforce to submit to it without unduly protesting since after some initial hesitation they firmly admitted, like their Chinese predecessors, that the value of a true culture was based

on the possession of the "three teaching". The result of this for literature and philosophy was to enlarge their sphere of action to say the least. However, great though the progress was which Buddhism had made during the period under review, as regards literature, it fell far short of that which was made later in the seventeenth and eighteenth centuries following the advent of "Chu-nom" a national calligraphic system which was invented to replace the Chinese characters. This was the golden age: authors and speakers spoke the same language; the obstacles provided formerly by syntax and foreign phonetics having been removed, the translation of thought into speech and writing became direct and rapid. This event provided an enormous stimulus to the spread of syncretism already referred to which it would be good to study. It must first of all be remembered that even if there had been belief based on prejudice no religious fanaticism existed either in China or in Vietnam to the point of provoking bloodshed as has happened in some countries. Further, by seeking to know

the adversary better in order the better to fight it, the adherents of each

camp would have ended by noting existing lacunae in their doctrine and at the same time the identity of certain apparently contradictory declarations. For example, the Confucianist system while stating its belief in an allpowerful heaven, recognises man's personal responsibility. Weak indeed are the nuances between its tenets and the Buddhist Karma that they cannot be reconciled or brought nearer to each other. Besides, Confucianist positivism, whatever one may say, is far too materialistic to satisfy the aspirations common to all men, who in the world is there who does not want to study the beyond, to lift the veil of "after-death" to question the future, and so many other questions to which the Sage's Teachings provide no answer. The poets of the old Vietnam were undoubtedly not indifferent to their metaphysical preoccupations. That is the explanation which appears most plausible to account for the fusion of thoughts of such different origins and which from the point of view of application is proof of the widest rationalism and very straitlaced logic by attributing to each of these religions, a sphere of influence which normally belongs to each. As a general rule, the doctrine of Confucius responsible for governing earthly affairs (organisation and administration of the family, society,

etc.) and for Buddhism and Taoism together to settle problems of a much higher order. True it is that from the point of view of orthodoxy, such a mixture is hardly desirable but viewed from another angle it must be realised that it has produced – apart from appeasing the restless spirit – beneficial effects on minds and hearts, to say nothing of the fact that it has made it possible for the masses to understand the elementary ideas which each of the systems in combination needed to spread on their individual behalf. A detailed study of the poems of the period written in "Chu-nom" – prose works were still very rare – will not fail to reveal the brighter side of that which unsuspecting persons would be tempted to refer to disdainfully as a doctrinal tangle or an unpardonable heresy. A good example of this is KIM-VAN-KIEU, a masterpiece which enjoys unrivalled popularity because of its lively musical quality, the beauty of its verse which is incomparable, and above all because of its rich treasure-house of thoughts from noble Buddhist inspiration. It would be no exaggeration to state that this poem which elaborates a theme which is akin to the life of the country, has of itself achieved much more than thousands of treatises on

morals or philosophy as regards the good fight it led for the triumph of goodness, forgiveness, purity of thoughts, and loftiness of ideals. Even now a hundred years later and in spite of the attractions of modern culture, it still is for some a sort of encyclopedia of the Vietnamese language or a sort of literary Bible, and for others a civic and moral code, and finally for the whole world a manual of elementary and

practical Buddhism. Accepted by all social circles, loved by men and women equally, KIM- VAN-KIEU brought and still brings the light of Salvation to all by drawing attention to the inexorable Karma-ist reactions, by extolling interior peace promised to "those who root out passion from their lives, by putting men on their guard against evil reincarnations if they do evil". All this may seem very commonplace; but what it asks and no more is simple minds for whom all religions appear to have been founded. In Vietnam, Buddhist influence is not limited to the realm of Art, Letters and Philosophy. It inspires the theatre, serves as a basis for certain good, customs, inspires stories and legends, provides suggestions for popular songs and proverbs. If Buddhism is the source at which intellectuals quench thier thirst it is also the breast which suckles spirits enamoured of spirituality, it is in its

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 79

school of wisdom that passion-troubled spirits awaken; it is the Enlightenment of its illustrious founder that Vietnam is learning to find herself, to know herself; finally it is under the roofs of her monasteries that her devotees meditate devoutly and her unfortunates seek consolation. Because Buddhism is so intimately bound up with the Vietnamese citizens, existence and daily life it has become a vital necessity. It was a foreign religion. It is a national religion.

80 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Chuøa Moät Coät – Haø Noäi

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 81

LE BOUDDHISME AU VIETNAM

82 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

LE BOUDDHISME AU VIETNAM

1. INTRODUCTION DU BOUDDHISME Sur la date exacte de l'introduction du Bouddhisme au Viet Nam, les historiens ne peuvent se mettre d'accord et plusieurs theøses s'affrontent. Nous retiendrons la plus vraisemblable qui situe cette date aux environs de l'an 189 de l'eøre chreùtienne. C'est un ancien taoïste converti, originaire de You- tcheou (Chine), le Maitre Meou-Po, qui aurait entrepris de reùpandre au Viet Nam la doctrine bouddhique. Avant lui, cependant, d'autres missionnaires, tels que Maõrajóvaka, Kalyaõnaruõci et K'ang-seng-houei, venus de Chine ou arriveùs par mer, avaient deùjaø seùjourneù au Giao Chaâu, berceau du Viet Nam actuel, et avaient treøs

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 83

probablement preâcheù la bonne parole, preùparant ainsi le terrain aø l'apostolat de Meou-Po. Le Viet Nam, aø cette eùpoque, eùtait rattacheù au Grand Empire chinois qu’inteùressait exclusivement aø la propagation du Confucianisme. Simplement toleùreù, le Bouddhisme n'eùtait connu que sous sa forme rituelle. Si insignifiants eùtaient les efforts de diffusion de la Doctrine que, de toute la riche litteùrature

bouddhique, seuls quelques suõtras eùtaient connus par leurs traductions en chinois.

2. L'ESSOR a) Les deùbuts De 544 aø 602, le Viet Nam connut une courte peùriode d'indeùpendance, suffisante pourtant pour favoriser l'expansion du Bouddhisme. Mais ce n'eùtait encore qu'un progreøs superficiel et il faut attendre la troisieøme domination chinoise, de 603 aø 939, pour que commence une eøre de veùritable progreøs. L'arriveùe de deux missions en fut un eùleùment deùterminant. La premieøre, en l'an 580, eùtait dirigeùe par le Supeùrieur Vinitaruci, Indien d'origine, reconnu par la suite comme le premier patriarche de la secte Zen au Viet Nam. En 820, une seconde mission eut aø sa teâte le Veùneùrable Voâ

Ngoân Thoâng, qui fonda une autre secte Zen distincte. Le pays comptait alors 20 stuõpas, qui abritaient les preùcieuses reliques offertes, en preùsents diplomatiques, par l'empereur de Chine, de nombreux temples et 500 moines dont beaucoup devaient s'illustrer par leur grand savoir et leur rigoureuse discipline.

b) Premier arreât (939-968). En 939, Ngoâ Quyeàn, apreøs avoir chasseù le dernier gouverneur chinois et mis en deùroute l'armeùe impeùriale envoyeùe aø sa rencontre, se proclama roi, mettant fin aø plus de mille ans de domination. Mais la dynastie de Ngoâ affaiblie par des luttes intestines, ne resta que peu de temps sur le troâne. Elle prit fin, dans le feu et dans la sang, avec la "reùbellion des Douze Seigneurs". Un de ceux-ci, Ñinh Boâ Lónh sortit vainqueur de la lutte et prit le titre d'Empereur. Pendant cette peùriode, le Bouddhisme au Viet nam marqua un arreât, tandis qu'en Chine, il fut soumis aø une perseùcution terrible.

c) Rebondissement (969-1009) A l'aveønement de Ñinh Boâ Lónh, qui prit le Bouddhisme sous sa protection, correspond pour la

Doctrine le deùbut d'une eøre de prospeùriteù qui va se prolonger jusqu'en l'an 1009, en meâme temps que la religion prend un caracteøre de croyance populaire. Au monasteøre de Phaât-daø vivait un moine, nommeù Ngoâ Chaân Löu, fin lettreù, poeøte de talent, et, de surcroit, treøs verseù dans la pratique de la meùditation (Zen). L'empereur, ayant entendu vanter ses meùrites, l'invita aø venir aø la Cour expliquer le Dharma et fut si satisfait de son enseignement qu'il le plaça aø la teâde la Sangha qu'il venait de creùer. Un an plus tard, pour reconnaitre la valeur des conseils que lui donnait le religieux sur la conduite des affaires publiques, le souverain eùleva Ngoâ Chaân Löu aø la digniteù de Conseiller impeùrial, lui attribuant en outre le surnom flatteur de Khuoâng Vieät (Serviteur du Viet nam). La dynastie des Leâ anteùrieurs succeødant aø celle des Ñinh (980-1009), continua de marquer sa faveur au Sangha et aussi de profiter des sages conseils, tant sur la plan politique qu'en matieøre de religion, de moines tels que Ngoâ Chaân Löu. C'est sous cette dynastie que, pour la premieøre fois, une ambassade Vietnamienne fut envoyeùe en Chine avec mission d'en rapporter une collection compleøte du Tripitaka.

86 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Un fait peut expliquer la situation privileùgieùe du Bouddhisme sous les Ñinh et les Leâ. Deøs l'an 187, sous la domination chinoise, l'enseignement des caracteøres avait eùteù entrepris au Viet Nam. Mais cet enseignement se limitait alors aø une treøs faible eùlite, en dehors des religieux bouddhistes qui espeùraient trouver dans les traductions chinoises l'essence d'une Doctrine dont la seule transmission orale leur paraissait insuffisante. C'est donc dans le cercle restreint des bonzes que l'on pouvait trouver des hommes cultiveùs. Aussi les religieux eùtaient- ils, dans tout le pays, consideùreùs et respecteùs non seulement en raison de leur valeur spirituelle, mais aussi aø cause de leur vaste savoir. Pour les Vietnamiens de cette eùpoque, tout comme pour les Chinois, en effet, les lettreùs jouissaient d'une grande consideùration comme litteùrateurs, mais aussi comme poeøtes, moralistes, juristes, astrologues, meùdecins, chiromanciens. On imagine, deøs lors, quelle veùneùration devait entourer les bonzes dont la croyance populaire faisait les deùpositaires du vaste savoir des Grands Maitres de Chine.

d) Epanouissement sous les Lyù (1010 – 1225) Le dernier repreùsentant de la dynastie des Leâ fut un despote cruel. Sa mort donna le signal d'une reùvolte de

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 87

palais qui porta au pouvoir un haut mandarin du nom de Lyù Coâng Uaån. Filleul du Supeùrieur de Coå Phaùp, ancien disciple du Veùneùrable Vaïn Haïnh, Lyù Coâng Uaån, qui monta sur le troâne en 1010 et prit par la siute le nom de Lyù Thaùi Toå, a laisseù dans l'histoire le souvenir d'une des plus grandes figures spirituelles du Bouddhisme Vietnamien. Deøs ce moment, la fortune du Bouddhisme eùtait assureùe. Le prestige de nombreux Maitres Zen tels que Vaïn Haïnh, Da Baûo, Sung Phaïm contribua aø donner un lustre particulier aø l'enseignement et aø la pratique du Dharma. Lyù Thaùi Toå mourut en 1028. Ses successeurs surent se montrer dignes des grands exemples de pieùteù qu'il leur laissait. Le premier, Lyù Thaùi Toân (1028 – 1054), fut un bouddhiste d'une exceptionnelle ferveur. Il aurait, dit-on, obtenu le satori sous la direction de son guru, le Veùneùraùble Thieân Lao de la secte Voâ Ngoân Thoâng. Parmi les eùveùnements les plus marquants de l'expansion bouddhique sous ce reøgne, il faut mentionner: la construction, sur les ordres de l'empereur, de 95 pagodes dont l'inauguration donna lieu aø de somptueuses ceùreùmonies et aø une exemption d'impoâts (1031), la restauration de toutes les statues du Bouddha,

88 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

avec une nouvelle amnistie fiscale (1036), enfin, en 1049, la construction de la pagode Dieân Höïu. L'empereur l'ordonna apreøs avoir fait un songe dans lequel il s'eùtait vu conduire au Palais de Lotus par le Bodhisattva Avalokiteùsvara. Cette circonstance explique qu'il fit donner aø ce temple la forme originale d'une fleur de lotus soutenue par une seule colonne planteùe au millieu d'un eùtang artificiel. Ce monument historique, qui eùtait un des sites les plus connus de Haø Noäi sous le nom

couramment employeù de Chuøa Moät Coät (Pagode aø Pilier unique) fut, en 1954, peu avant le deùpart de la capitale du Nord des troupes françaises, saboteù par des mains sacrileøges inconnues. Il fut par la suite heureusement restaureù graâce aux plans conserveùs dans les archives de l'Ecole Française d'Extreâme-Orient. A Lyù Thaùi Toân succeùda, en 1054. l'empereur Lyù Thaùnh Toân, veùritable incarnation de la compassion bouddhique. Au milieu de la magnificence de la Cour, il lui arrivait freùquemment, surtout aø l'approche de l'hiver, d'eùvoquer le sort malheureux des classes pauvres et de songer aux souffrances des prisionniers. Aussi son reøgne fut il marqueù de nombreuses distributions de nourriture et de veâtements aux familles miseùrables et de freùquentes reùductions de peines en faveur des

condamneùs. Cet eùmule d'Asoka devait mourir en 1072. Trois ans avant sa mort, en 1069, se produisit un eùveùnement qui meùrite d'eâtre rapporteù. Le pays eùtait alors en guerre contre le royaume du Champa. Au retour d'une expeùdition contre ce voisin turbulent, dont les Vieâtnamiens redoutaient les freùquentes et terribles incursions, l'empereur ramenant un groupe de prisionniers de guerre, les offrit aux mandarins de la Cour. Un des beneùficiaires de la faveur royale se trouvait eâtre un membre du clergeù bouddhique. Au retour d'une courte absence, il fut surpris de constaster que des corrections avaient eùteù apporteùes aø son receuil de penseùes bouddhiques. Une rapide enqueâte ayant eùtabli que l'auteur des corrections eùtait un des esclaves donneùs par le souverain. Ce dernier, mis au courant de la chose, convoqua l'homme et le soumit aø un interrogatoire serreù sur le Dharma. Le prisionnier reùpondit aø toutes les questions, faisant preuve d'une eùrudition dont chacun s'eùmerveilla. On deùcouvrit que c'eùtait, en reùaliteù, un maitre chinois, nommeù Thao Duong, qui preâchait en pays eùtranger lorsqu'il fut captureù. Thao Duong, aussitoât admis par l'empereur dans le Sangha nationale, fut autoriseù aø faire ses deùbuts de preùdicateur aø la pagode Khai Quoác. Il y attira de nombreux disciples et finit par

fonder une nouvelle secte Zen aø laquelle son nom est resteù attacheù. Le souverain faisait lui-meâme partie de cette secte et, de meâme que son aïeul, aurait obtenu l'eùveil. Sous le reøgne de Ly Nhaân Toân (1072-1127), qui succeùda aø Ly Thaùnh Toân, le Confucianisme, qui avait deùjaø fait son apparition sous le preùceùdent monarque, fit son entreù dang la vie intellectuelle du pays aø l'occasion du premier Concours institueù par decret imperial pour le recrutement des mandarins. Ce mouvement ne porta toutefois pas ombrage au Buddhisme qui, sous la protection du nouveau roi, continua de prospeùrer. De nombreux eùcrits parvenus jusqu'aù nous attestent la profondeur de la penseùe bouddhique aø cette eùpoque, ouø ses principaux repreùsentants furent les Veùneùrables Vieân Chieáu, Ngoâ An et Khoâ Daâu. Ce dernier, notamment, exerça un certain temps les hautes fonctions de Conseiller impeùrial, aø l'instar de Khuoâng Vieät sous les Ñinh et les Leâ anteùrieurs. De 1128 jusqu'aø la fin de la dynastie des Lyù, en 1225, trois empereurs observeørent

encore la discipline du Zen. Le dernier entra meâme dans la Sangha, apreøs avoir abdiqueù en faveur de sa fille qui, aø son tour, remit le

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 91

pouvoir aø son mari, Traân Canh, fondateur de la dynastie des Traàn. Jamais au long de l'histoire du Viet Nam, le Bouddhisme ne fut aussi florissant que sous les empereurs de la dynastie des Lyù. Pendant 215 anneùes reùparties sur huit reøgnes successifs, la religion de Saâkyamuni demeura la seule reconnue et honoreùe. Dans les faveurs impeùriales dont elle beùneùficia, il ne faut voir qu'un acte de foi sinceøre provoqueù aussi bien par la merveilleuse beauteù de la Doctrine que par l'eùminente digniteù et les hautes vertus de ses repreùsentants.

3. DEÙCADENCE Au cours des soixante-dix premieøres anneùes de la dynastie des Traàn, si le Bouddhisme vit son mouvement d'expansion arreâteù, il reùussit du moins aø conserver la position de premier plan acquise sous les reøgnes preùceùdents, en deùpit des progreøs accomplis par le Confucianisme. Le fondateur de la dynastie lui meâme, et son petit-fils, couronneù en 1278, eùtaient en effet consideùreùs comme des bouddhistes encore plus fervents que les empereurs Lyù. Envers le premier, notamment, le Bouddhisme Vietnamien est redevable, outre de nombreux bienfaits et d'un appui sans reùseve, de deux

92 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

traiteùs, l'un sur le dhyna, l'autre sur la Doctrine en geùneùral, tous deux d'une haute porteùe spirituelle et litteùraire. Quant aø sont petit-fils, apreøs quinze ans de reøgne, il abdiqua pour se retirer dans un monasteøre, sur le mont de Yeân Töû, ouø il se consacra aø la pratique du Zen et aø l'instruction de milliers de disciples. Au Nord Viet Nam, il est consideùreù comme le premier des trois patriarches de la secte Truùc Laâm (Foreât de Bambous). Cependant, la courbe ascendante du Bouddhisme avait, semble-t-il, atteint son point culminant. En 1414, le Viet Nam retomba pour plus de dix ans sous la domination chinoise. Sous l'impulsion des Ming deùferla une nouvelle vague de Confucianisme, qui suscita un important mouvement philosophique et litteùraire. En meâme temps grandissait l'influence du Taoïsme, cependant que s'infiltrait le Tantrisme tibeùtain. Dans le meâme temps, les gouverneurs chinois faisaient confisquer tous les livres bouddhiques et ordonnaient la destruction systeùmatique des pagodes. En 1428, le Viet Nam recouvre son indeùpandance. Mais le Bouddhisme n'en tirera aucun profit. Bien au contraire, l'empereur Thaùi Toå, de la dynastie des Leâ

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 93

posteùrieurs, institue un examen pour les bonzes. Les candidats qui ont eùchoueù doivent reprendre la vie laïque. Trente ans plus tard, un ordre de reùpression se traduit par des mesures de surveillance rigoureuses aø l'eùgard des religieux et l'interdiction de construire de nouvelles pagodes. Le Bouddhisme, cependant, n'en demeurait pas moins vivace dans le peuple, mais sous la forme d'un regrettable

syncreùtisme et non plus en sa pureteù originelle. En 1528 et 1802, aø la faveur des luttes d'influence qui opposeørent les Seigneurs Trònh du Nord aux Seigneurs Nguyeãn du Sud, eùgalement deùsireux de gagner l'estime de la population, demeureùe profondeùment attacheùe aø sa foi, de nouvelles sectes dhyna se formeørent sous l'autoriteù de maitres chinois et de nombreux monasteøres furent construits ou restaureùs. La reconstruction des pagodes Quyønh Laâm et Suøng Nghieâm, ordonneùe par le Seigneur Trònh Giang, au Nord, est resteùe fameuse en raison de l'enorme travail accompli pour la mener aø bien: 6.000 ouvriers et manœuvres y travailleørent, jour et nuit, durant une anneùe entieøre. Un meâme zeøle anima, dans le Sud, les Seigneurs Nguyeãn. En 1601, Nguyeãn Hoaøng ordonna la construction de la pagode Thieân Muï qui existe encore

94 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

aujourd'hui aø Hueá. Un stpa de sept eùtages et une cloche d'une reùsonance extraordinaire sont l'orgueil de ce temple monumental. Encourageùs par Nguyeãn Hoaøng, de nombreux bonzes chinois parcoururent le pays en preâchant et il est eùtabli que la plupart des pagodes de Hueá et des environs furent eùdifieùes aø l'instigation de ces religieux dont les bouddhistes conservent pieusement la meùmoire. Avec l'aveønement des Nguyeãn, restaurateurs de l'uniteù nationale, le Bouddhisme devint un instrument politique dont ils useørent pour consolider leur autoriteù, tandis que les bonzes se voyaient reùduits au roâle de gardiens de pagodes officielles et de maitres de ceùreùmonies. L'esprit du Bouddhisme se perdit au point de provoquer un relaâchement quasi geùneùral de la discipline dans les monast1res, ouø le Bouddha eùtait adoreù aø l'eùgal d'un dieu qu'on pensait se rendre favorable par des offrandes. Avac le deùbut de la colonisation francaise, dans la seconde moitieù du XIXe sieøcle ,cette situation ne fit qu' P P

empirer. Pendant quelque quatre-vingts ans, le Bouddhisme, qui voyait son influence seùrieusement menaceùe par les progreøs du Catholicisme, fut soumis aø de

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 95

seùveøres restrictions: controâle des bonzes, autorisation preùalable pour la contruction de pagodes, limitation pour la Communauteù du droit d'accepter des dons et legs, etc... Les veùritables religieux, deùcourageùs, preùfeùreørent vivre dans la retraite, laissant ainsi le champ libre aux "bonzes professionnels". Ceux-ci, pousseùs par l'inteùreât, favoriseørent le deùveloppement du syncreùtisme dont on a deùjaø signaleù l'apparition et qui ne fit qu'aller en s'aggravant, jusqu'aø offrir le navrant spectacle d'unc religion baâtarde ouø, dans une confusion inextricable, se meâlaient mysticisme, animisme et polytheùisme.

4. BOUDDHISME MODERNE Deøs 1920, aø l'exemple de ce qui se passait dans la Chine reùpublicaine, un mouvement se deùclencha simultaneùment dans les trois grandes reùgions du Viet Nam: Nord, Centre et Sud, en faveur d'une restauration du Bouddhisme. Si nombreux que fussent les obstacles, ils ne purent arreâter l'eùlan

donneù. Il fallut pourtant attendre jusqu'en 1931 pour voir naitre, aø Saigon, la premieøre Association des Etudes bouddhiques. Une association semblable fut fondeùe aø Hueá en 1932, une troisieøme aø Haø Noäi en 1934.

96 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Bien qu'ayant des programmes d'action particuliers, ces associations, au sein desquelles se recontraient des religieux et des laïcs, se donnaient eùgalement pour mission l'assainissement des millieux monastiques, la restauration de la discipline, la formation d'une nouvelle geùneùration de moines pieux et instruits, enfin une large diffusion de la Doctrine dans la langue du pays et non plus, comme dans le passeù, aø l'aide des caracteøres chinois. Dans ce dessein, furent publieùes de nombreuses revues et des traductions du canon bouddhique aussi bien theravaõdin que maõhyaõniste. Mais alors que, paradoxalement, le Zen perdait son influence, c'est l'Amidisme qui prenait sa place et l'a conserveùe jusqu'aø nos jours. Le mouvement de restauration du Bouddhisme connut un franc succeøs. Un revirement d'opinion s'opeùra dans une partie de l'eùlite intellectuelle du pays, deùçue par le mateùrialisme occidental. Elle adheùra au mouvement et le soutint aussi bien par une contribution peùcuniaire que par une collaboration directe aø l'effort de reùnovation en vue de vulgariser la Doctrine. La deuxieøme guerre mondiale devait-malheureusement arreâter presque compleøtement cette campagne de reùnovation.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 97

En 1948, la situation s'eùtant eùclaircie, les activiteùs interrompues reprirent vigoureusement. AØ Haø Noäi, le regroupement des moines disperseùs par les eùveùnements preùceùda de peu la reùorganisation de la Communauteù, puis celle de l'Association des laics. Un an plus tard, graâce aø l'initiative des Supeùrieurs Toá Lieân et Trí Haûi puissamment soutenus par des laics, furent creùes aø Haø Noäi un orphelinat, un colleøge priveù et des oeuvres de chariteù en faveur des victimes de la guerre qui faisait rage dans les provinces, ainsi qu'une imprimerie. Un travail analoque de regroupement et de reùorganisation fut accompli aø Hueá. Des pagodes en ruines furent, en plusieurs endroits, reconstruites ou restaureùes. Les anciennes publications reparurent. Auteurs et traducteurs se remirent au travail avec foi. Deux ans plus tard, Saïgon, aø son tour, voyait naître une nouvelle Association des Etudes bouddhiques, en remplacement de l'ancienne qui avait cesseù toute activiteù. Le 6 mai 1951, aø Hueá, un Congreøs national reùunit une cinquantaine de deùleùgueùs, religiueux et laïcs. D'importantes reùsolutions y furent voteùes concernant l'unification des trois Associations, la reùorganisation en profondeur du Sangha, la codification des rites,

98 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

l'eùducation religieuse de la masse adulte et la formation d'une jeunesse bouddhisme. En outre, le Congreøs ratifia l'adheùsion donneùe par le Supeùrieur Toâ Lieân, deùleùgueù du bouddhisme du Nord, aø l'Association mondiale des Bouddhistes, creùe

aø la suite du premier Congreøs mondial tenu en 1950 aø Colombo. Le deuxieøme Congreøs mondial, reùuni aø T6ky6 en septembre 1952, donna au Bouddhisme unifieù du Vietnam une premieøre occasion de manifester sa vigueur. La deùleùgation singhalaise de ce Congreøs, porteuse d'une relique du Bouddha destineùe au Japon, ayant pris passage aø bord du paquebot français La Marseillaise, devait faire aø Saigon une escale, une reùception solennelle de la relique aurait lieu. Sous les auspices du Bouddhisme unifieù, deùsormais appeleù Bouddhisme du Vietnam, plus de 50.000 personnes, rassembleùes en moins de six jours, offrirent aø la capitale du Vietnam un impressionnant spectacle de foi, de deùvotion et de discipline, tel qu'on n'en avait encore jamais vu. Cette pacifique manifestation eut d'heureuses conseùquences. Du Nord au Sud, le Bouddhisme reùnoveù, acceuilli avec farveur, put profiter de la circonstance pour

eùlargir son rayon d'action au deùtriment des sectes heùteùrodoxes. Depuis lors, les oeuvres de chariteù, les eùcoles de bonzes, les eùcoles priveùes d'inspiration bouddhique, les formation de jeunesse vont se multipliant et ne cessent de prospeùrer. De grands progreøs ont eùteù eùgalement reùaliseùs en ce qui concerne la diffusion de la penseùe bouddhique. Le partage du Vietnam en deux zones, aø la suite des Accords de Geneøve, a seul empeâcheù que des reùsultats encore plus importants fussent obtenus.

5. INFLUENCE DU BOUDDHISME SUR LA VIE ET LA PENSEÙE DES VIETNAMIENS En principe, on compte au Vietnam trois religions principales: Le Taoïsme, le Confucianisme, le Bouddhisme. En fait, il n'existe qu'une seul religion, qui est une sorte de reùsultante de l'interpeùneùtration des trois doctrines que l'on vient de citer, chacune de celles-ci pouvant eâtre considereùe comme un aspect particulier de cet ensemble. La persistance de cet eùtat de fait tient aø la difficulteù, pour ne pas dire l'impossibiliteù, de distinguer parmi les Vietnamiens trois communauteùs distinctes. Sans doute, quelques adeptes convaincus, religieux ou laïcs, pratiquent exclusivement le Taoïsme ou le Bouddhisme. Ce n'est laø cependant que le petit nombre.

La masse, dans son ensemble, est sans preùjuges et se refuse aux distinctions embarrassantes. La meâme famille peut appartenir au Bouddhisme, mais n'en freùquente pas moins les temples taoistes et accomplit d'autre part des rites imposeùs par le culte des anceâtres. On peut nier que cette confusion engendre trop souvent des pratiques superstitieuses et, par laø, favorise et entretient l'ignorance. Elle n'est pourtant pas sans avoir d'heureux effets sur la moraliteù, le mode de penseùe, bref sur toute la vie du peuple vietnamien. Beaucoup de lettreùs, en particulier, sans renoncer aux principes du Confucianisme, sont d'authentiques produits du Bouddhisme. Si l'on ne peut parler d'un emprunt direct d'ideùes, de nombreuses notions essentiellement bouddhiques, telles que l'impermanence, le karma, la causaliteù, la reùincarnation, les

souffrances terrestres, etc.., se refleøtent dans trop d'œuvres litteùraires pour que l'on puisse douter de leur source commune. Mais c'est surtout dans le domaine de la morale que s'est fait sentir l'influence religieuse. Les Vietnamiens les plus illettreùs, les non-bouddhistes eux-meâmes, craignent les reùactions karmiques, qu'ils conçoivent aø travers le symbole des "Dix Enfers". Cette crainte les retient

souvent de faire le mal et les incite, au contraire, aø des actes charitables. Renforceùe par la pratique des "Cinq Preùceptes", elle est aø l'origine d'une douceur de mœurs que le Zen libeùrateur d'abord, puis l'Amidisme prometteur d'incomparables feùciliteùs, contribueørent aø faire peùneùtrer plus intimement dans la vie courante. Le reùgime veùgeùtarien, pratiqueù par les laïcs aø des dates deùtermineùes et par les moines de façon permanente, a, lui aussi, le meùrite de temperer l'instinct sanguinaire commun aø tous les hommes. L'influence de ce complexe religieux s'est eùgalement manifesteùe dans les arts, avec une nette preùdominance bouddhique. L'architecture, la peinture, la sculpture se sont principalement inspireùes des deux ideùes maitresses du Bouddhisme: pureteù et compassion. La fleur de lotus est un motif treøs appreùcieù et les diverses repreùsentations d'Avalokitesvara sont l'objet, notamment de la part des femmes, d'une grande veùneùration.

6. CONCEPTION ET PRATIQUE DU BOUDDHISME AU VIETNAM Quels que soient les progreøs reùaliseùs par le mouvement reùformiste qui a pris naissance en 1920, il est encore loin d'avoir atteint les buts que se proposaient ses

promoteurs. Mais les reùsultats dejaø acquis sont encourageants. En premier lieu, les efforts des zeùlateurs du mouvement de reùnovation ont eu pour effet, dans une certaine mesure, de remettre en lumieøre l'essence du Bouddhisme en le deùpouillant des apports eùtrangers.. Mais le Bouddhisme vietnamien entend rester fideøle aux traditions mahayanistes dont la note dominante est, comme l'on sait, la compassion, repreùsenteùe par la theùorie des Bodhisattva, qui s'appuie sur cette exhortation du Bouddha: "Deùlivreù, deùlivre; eùclaireù, eùclaire". Pour cette raison, les adheùrents au mouvement, religieux et laïcs, s'appliquent aø ameùliorer sans cesse leur formation spirituelle et aø traduire en actes les veùriteùs apprises dans les s-tras. Ils connaissent, aø preùsent, la valeur reùelle des rites et du sila, moyens de parvenir aø la sagesse et aø la paix inteùrieure, mais qui ne sont pas des fins en soi. Ils ne se laissent plus leurrer par le symbolisme dont use freùquemment le Mah-y-na et savent en extraire le suc nourrissant. S'ils souscrivent sans reùserve aø l'orthodoxie proâneùe par les Therav-din, dont un groupe s'est fondeù aø Saïgon au cours de ces dernieøres anneùes, ils n'abandonnent pas les theùories construites plus tard sur cette base par Naõgaõrjuna, Asvaghosa, Vasubandhu et

d'autres, ni l'eùcole de la "Terre Pure" ou Amidisme, qu'ils savent eâtre la forme pratique, parce que la plus aiseùment accessible aø la masse, du difficile Dhyaõna.

7. SITUATION ACTUELLE DU BOUDDHISME Dans ce chapitre sera traiteùe la situation actuelle du Bouddhisme au Viet nam, vue sous l'angle de l'Association Geùneùrale Bouddhique du Viet nam. En comparaison avec les autres groupements co-existants, c'est de loin le plus important, le mieux organiseù, le seul dynamique et aussi le seul reconnu officiellement comme eùtant qualifieù pour repreùsenter le Bouddhisme milleùnaire du pays. Pour ces motifs et pour d'autres qu'il serait oiseux de citer, c'est encore le seul aø refleùter fideølement le vrai visage du Bouddhisme vietnamien. Notons par ailleurs que l'Association Geùneùral Bouddhique du Viet nam est membre du World Fellowship of Buddhists depuis la fondation de cette Association en 1950 aø Colombo, qu'elle a participeù aø plusieurs congreøs bouddhiques internationaux et qu'elle est en relation suivie avec de nombreux pays bouddhiques dans le monde.

Organisation. – Sous l'autoriteù et la direction geneùrale de l'Association Geùneùrale Bouddhique (A.G.B), sont groupeùs, d'un coâteù, 3 Sanghas comptant plus de 3.000 bonzes et environ 600 bonzesses, de l'autre, trois communauteùs de fideøles qui poussent leurs ramifications jusque dans des villages reculeùs, Le nombre total des membres de ces trois associations laïques leùgalement constitueùes et de leurs filiales, s'eùleøve aø environ un million. A ce chiffre il faut ajouter la masse des fideøles non-associeùs dont l'importance numeùrique est trois fois plus grande. Le partage des taâches est ainsi fixeù en reøgle geùneùrale: Les Sanghas prennent en charge tout ce qui a trait aux questions spirituelles et aux communauteùs laïques revient le devoir de deùgager les religieux de toutes preùoccupations d’ordre mateùriel. Propagation du Dharma. – Pour la formation spirituelle de tous, associeùs et non-associeùs, la propagation du Dharma est organiseùe sur une vaste eùchelle: causeries hebdomadeøres aø Saigon, confeùrences peùriodiques en province avec emploi de radio-cars munis de microphones et de projecteurs cineùmatographiques; large diffusion de revues et brochures de vulgarisation aø la cadence moyenne de 30.000 exemplaires, sortis des

presses de l'A.G.B. De plus, des cours particuliers sont ouverts aø Saigon et dans sa banlieue pour commencer, aø l'intention de ceux qui aspirent aø des connaissances plus eùleveùes sur la Doctrine. L'action dans ce sens est encore secondeùe par la preùsence de nombreuses bibliotheøques avec ou sans salle de lecture. Formation de cadres.– Les activiteùs preùciteùes ont poseù le probleøme des cadres que l'A.G.B. a reùsolues par la multiplication des Ecoles de bonzes (4 en 1956, 10 en 1962) et la creùation d'un Corps de preùdicateurs, sans compter l'envoi de jeunes moines suivre des cours de perfectionnement aø l'eùtranger (3 aø Nava Nalanda Mahavihara en Inde, 4 au Japon). L'instruction distribueùe dans les EÙcoles de bonzes est mixte: les

eùleøves y apprennent les textes canoniques et suivent en meâme temps le programme de l'enseignement officiel. Nombreux sont ceux qui poursuivent ou qui ont termineù leurs eùtudes secondaires ou supeùrieurs. Jeunesse bouddhiste. – En ce qui concerne les jeunes laïcs de 8 aø 20 ans, ils sont incorporeùs dans un Mouvement de Jeunesse connu sous le nom de Gia ñình Phaät töû. Fondeù en 1940, ce Mouvement qui va en s'amplifiant a pour but de donner aø ces jeunes une eùducation

106 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

religieuse susceptible de faire d'eux, plus tard, des bouddhistes convaincus, pratiquants, capables de sacrifices pour le maintien et le deùveloppement de la religion de leurs parents, des citoyens honneâtes et utiles aø la collectiviteù. Apreøs 23 ans d'existence, ce Mouvement, dirigeù beùneùvolement par un Corps de 3.000 instructeurs, compte 70.000 jeunes reùpartis ineùgalement entre 1.000 groupes, de la ville aø la campagne. Le quart de l'effectif freùquente les eùcoles priveùes primaires et secondaires, fondeùes par les associations laïques et dont les brillants succeøs aux diffeùrents examens ont commenceù aø attirer du public. Chariteù sociale. – D'autre efforts ont eùteù reùaliseùs dans le domaine de la chariteù sociale, tel que la construction des formations sanitaires (cliniques, infirmeries, materniteùs).. La plus importante des cliniques est celle de la Pagode Xaù Lôïi, sieøge de l'A.G.B, ouø journellement des soins gratuits sont distribueùs aø plus de 200 malades pauvres. Elle est dirigeùe par un docteur, membre de l'Association de Saigon, qui est secondeù par deux jeunes moines faisant office d'infirmiers, et meùdecins speùcialistes pour les cas particuliers.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 107

Deux creøches fonctionnent aø Saigon et Dalat, oeuvres des bonzesses, dont beùneùficient gratuitement les enfants des Familles de travailleuses sans consideùration de race et d'appartenance religieuse. A Saigon eùgalement, un Comiteù de Dames visite le jeudi de chaque semaine soit un hoâpital, soit une materniteù, pour apporter consolations et aide mateùrielle aux malades neùcessiteux. A toutes ces oeuvres dont la creùation et le fonctionnement sont financeùs par les membres des communauteùs laïques, il convient d'ajouter les secours exceptionnels auxquels contribuent riches et pauvres, au profit des victimes de calamiteùs publiques, notamment des incendies qui sont freùquents ici.

Ce bref exposeù sur le Bouddhisme moderne au Viet nam montre l'effort gigantesque qu'ont deùployeù religieux et laïcs, en un pays pratiquement en guerre depuis 1940, non seulement pour maintenir leur foi mais encore pour la deùvelopper et lui donner une vitaliteù conforme aux fondements du Bouddhisme; la Compassion. Cet effort

108 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

est d'autant plus meùritoire qu'il a eùteù reùaliseù avec les seuls moyens du bord, sans aide exteùrieure. Le reùformisme aø tendance sociale dont s'inspirent toutes les activiteùs de l'Association Geùneùrale Bouddhique est une heureuse initiative. Bien sûr qu'avec le retour de la paix, des reùsultats plus encourageants seront obtenus pour la plus grande gloire du Seigneur Bouddha.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 109

CONTRIBUTION DU
BOUDDHISME
AØ L'ART, AUX LETTRES ET AØ LA PHILOSOPHIE
AU VIETNAM

Le Bouddhisme a eùteù introduit au Vietnam vers la fin du 2eme sieøcle, par la voie de la Chine, preùceùdeù par le P P

Confucianisme et le Taoïsme. Quatre cents ans apreøs, deøs que le Vietnam eut mis fin aø la longue domination chinoise, il commença, sous la protection des familles reùgnantes, aø prendre un grand essor, et depuis, malgreù parfois l'antagoisme des religions concurrentes, son expansion continue presque sans arreât, en surface comme en profondeur. A un moment de l'histoire, de 968 aø 1414, il fut meâme eùleveù au rang de religion d'Etat. Des empereurs des dynasties des Lyù et des Traàn alleørent jusqu'aø preâcher d’exemple, plusieurs en fideøles pratiquants, quelques uns en moines veùritables, apreøs

110 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

avoir abdiqueù et pris la chemin des ermitages. Le fait est vraiment curieux et il ne serait pas sans inteùreât de l'eùtudier sans l'obligation de rester dans la cadre du preùsent exposeù. Cette supreùmatie, le Bouddhisme vietnamien continue aø la deùtenir de nos jours, non plus, certes, dans la vie publique, mais dans le coeur d'une treùs forte majoriteù. Il est deøs lors facile de deviner quelle grande influence le Dharma du Bouddha a exerceùe sur l'aâme vietnamiene et, quelle contribution appreùciable, il a apporteùe aø la formation morale et spirituelle d'un peuple dont sa douceur et sa sompliciteù de moeurs semblaient preùdisposer aø recevoir la "Religion de la Compassion". C'est sous ce trait dominant de la personne du grand Instructeur que son enseignement fut connu et appreùcieù dans le pays. L'artiste, le philosophe et le poeøte d'autrefois en furent impreùgneùs, et beaucoup des temps modernes continuent encore aø s'en inspirer. Un auteur europeùen, en retraçant l'histoire de la philosophie chinoise(1), a eùcrit: "Le Bouddhisme fut la P 2F P

(1) E.V.Zenker-Histoire de la Philosophie chinoise, traduction par G. Lepage, Payot, Paris, 1932.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 111

premieøre influence eùtrangeøre qui agit puissamment sur l'eùvolution de la penseùe chinoise et l' effet de cette intervention fut de ranimer, de feùconder et de deùvelopper

au plus haut point non seulement la religion, mais tous les quatres domaines de la civilisation. C'est ce que montre, meâme aø celui qui ignore presque compleøtement le monde spirituel chinois, un simple regard jeteù sur les arts plastiques de la Chine, si totalement issus de l'esprit du bouddhisme qu'aø l'apogeùe de celui-ci, ils produisirent une merveilleuse floraison...". Nous croyons pouvoir dire que la remarque pourrait se transposer sur le plan vietnamien sans avoir aø subir de retouches, en tout ce qui a trait aø l'action que le Bouddhisme y exerçait sur l'architecture, la sculpture et la peint re. Les speùcimens qui survivent aux destructions du temps et aux meùfaits de la guerre attestent combien l'Art fut deùveloppeù sous cette heureuse influence, comme l'attestent d'autre part les inteùressantes et fructueuses recherches des archeùologues d'avant 1945. Mais si dans certains pays et aø certains eùgards, l'artiste est plus proche que le moine de la communauteù des fideøles dans la traduction de leurs inteâreâts et de leurs preùoccupations de tous les jours, comme l'estime M. le professeur Paul Mus, au Vietnam ce roâle semble plutoât

deùvolu aux litteùrateurs, notamment aux poeøtes qui sont aussi des philosophes par excellence. Cela tient aø ce que, pour des raisons difficiles aø expliquer, le Vietnamien, s'il est capable de s'emerveiller devant la forme et la couleur, ne s'eùmeut reùellement qu'aux vibrations des sons. Ce penchant le fait passionneùment amoureux du theùaâtre, de la musique, pas seulement de la musique instrumentale ou vocale, mais encore et surtout de la musique des mots, autrement dit de la poeùsie. Pour cette raison, il nous a paru indiqueù de ne pas nous orienter vers l''art mais vers les Lettres, vrais deùpositaires de la penseùe – et les Lettres seulement, eùtant donneù la rareteù des productions litteùraires deùpourvues de reùflexions philosophiques ou ne servant de cadre au deùveloppement de quelques principes moraux – si l'on veut savoir quel profit le Vietnam a pu tirer de ses dix-sept sieøcles de conversion au Bouddhisme. Pour cela, il faut revenir en arrieøre, au VIeø sieøche, ouø P P

les monateøres furent aø la fois des foyers de rayonnement du Bouddhisme et des eùcoles pour la formation des hommes de lettres. Il n'y avait pas d'eùtablissements scolaires publics et peu de jeunes gens, par ailleurs, s'inteùressaient aø l'eùtude des caracteøres chinois, aø part les

moines bouddhistes, pousseùs par le deùsir de puiser dans les traductions chinoises l'essence d'une doctrine qu'ils entrevoyaient merveilleuse mais dont la transmission jusque laø orale ne les satisfaisait pas. D'une eùpoque aø l'autre, la tradition se transmettait, si bien qu'entre 1010 et 1225 sous la dynastie des Lyù, il eùtait quasi-impossible de trouver un poeøte de talent, en dehors du cercle des religieux, tous des Maitres du Dhyana, de cette fameuse EÙcole de la Meùditation, issue de la plus fameuse EÙcole de Chine. Bien que les theømes deùvelopeùs par ces poeøtes- moines fussent d'une porteùe geùneùralement inacessible pour le grand public, leurs oeuvres

n'en contribuaient pas moins au rehaussement du prestige du Bouddhisme devenu deùjaø assez populaire. A partir du XVeø sieøcle, un renversement de roâle eut P P

lieu: les lettreùs, partisans du Confucianisme, triompheørent de la concurrence et se substitueørent aux bouddhistes dans la confiance et les faveurs impeùriales. La deùfaite ne fut cependant pas mortelle. L'emprise plusieurs fois seùculaire du Bouddhisme se maintint solide dans l'aâme du peuple et ne tarda pas aø redevenir aussi puissante qu'avant, deøs la naissance en Chine du syncreùtisme fondant dans le meâme creuset Confucianisme, Taoïsme et Bouddhisme. Les lettreùs du

Vietnam devaient y souscrire sans trop de reùcrimination puisqu'ils finirent apreøs quelques heùsistations par admettre, comme leurs devanciers chinois, que la valeur d'une veùritable culture reposait sur la possession des "trois enseignements". Pour la litteùrature et la philosophie bouddhiques, il en reùsultait une extension du champ d'action pour le moins appreùciable. Mais pour grands que fussent les progreøs reùaliseùs par le Bouddhisme pendant la peùriode envisageùe, en matieøre de litteùrature, ils furent encore loin d'eùgaler ceux obtenus plus tard, au XVIIeø et au XVIIIeø, apreøs l'aveønement du P P P P

"chöõ noâm", systeøme d'ecriture nationale inventeù pour remplacer les caracteøres chinois. C'eùtait la belle peùriode: auteurs et lecteurs parlaient la meâme langue; les obstacles eùleveùs jadis par la syntaxe et la phoneùtique eùtrangeøres eùtant supprimeùs, la transmission de la penseùe devint direct et rapide. Cet eùveønement favorisa eùnormeùment l'essor du syncreùtisme signaleù et qu'il serait inteùressant d'eùtudier. Retenons d'abord que s'il y avait preùjugeùs de croyance, aucun fanatisme religieux n'existait, aussi bien en Chine qu'au Vietnam au point de provoquer des effusions de sang comme cela se voit dans certains pays.

De blus en cherchant aø connaître l'adversaire pour mieux l'abattre, les tenants de chaque camp auraient fini par se rendre compte des lacunes de leur doctrine et en meâme temps de l'identiteù de certaines affirmations apparemment contradictoires. Le systeøme confuceùen, par exemple, tout en croyant aø la toute puissance du Ciel, reconnaît la responsabiliteù personnelle de l'homme. Trop faible est donc la nuance entre sa theùorie et cell du karma bouddhique pour qu'elles ne puissent se rapprocher et se reùconcilier. Par ailleurs, le positivisme de Confucius, quoi qu'on en dise, est trop mateùrialiste pour satisfaire les aspirations spirituelles communes aø tous les hommes. Quel peuple dans le monde ne cherche-t-il pas aø sruter l'au-delaø, aø percer le mysteøre de l'apreøs-mort, aø interroger l'avenir... autant de questions dont la reùponse est introuvable dans l'enseignement du Sage! Les poeøtes du vieux Vietnam n'eùtaient sans doute pas indiffeùrents aø ces probleømes meùtaphysiques. C'est l'explication qui nous semble la plus plausible de donner aø la fusion des penseùes d'origine si diffeùrente et qui, sur le plan d'application, fait preuve du plus grand

rationalisme et d'une logique treøs serreùe, par l'attribution aø chacune des religions en preùsence, la zone d'influence qui doit lui revenir normalement. En reøgle geùneùrale, c'est aø la

116 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

doctrine de Confucius le soin de reùgir les choses terrestres (organisation et administration de la famille, de la socieùteù), aux Bouddhisme et Taoïsme pris emsemble, celui de reùgler les questions d'un ordre plus eùleveù. Certes, au point de vue de l'orthodoxie, un tel meùlange n'a rien de souhaitable, mais d'un autre point de vue, il faut reconnaitre qu'il a produit, outre l'apaisement des inquieùtudes de l'esprit, des effets bienfaisants sur la mentaliteù et les moeurs, sans compter qu'il met aø la porteùe de la masse des notions eùleùmentaires que chacun des systeømes combimeùs avait besoin de reùpandre pour sa propre cause. Une eùtude deùtailleùe des poeømes eùcrits en "chöõ noâm" de l'eùpoque – les oeuvres en prose eùtaient encore rares – ne manquera pas de reùveùler le coâteù avantageux de ce que les esprits non avertis seraient tenteùs d'appeler avec deùdain un encheveâtrement doctrinal ou une heùreùsie impaldonnable. Qu'il nous soit permis de citer en exemple le KIM VAÂN KIEÀU, ce chef d'oeuvre d'une populariteù sans eùgale, graâce aø sa musicaliteù enivrante, la beauteù de ses vers d'une mesure incomparable et surtout aø son treùsor de reùflexions d'une inspiration bouddhique treøs eùleveùe. Il ne serait pas exageùreù de dire qu'aø lui seul,

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 117

ce poeøme brodeù sur un theøme treøs proche de la vie du pays, a fait le travail de plusieurs milliers de traiteùs de moral ou de philosophie, quant au bon combat qu'il livrait pour le triomphe de la bonteù, du pardon, de la pureteù des sentiments et de la noblesse de la penseùe. Meâme aø l'heure actuelle, aø cent ans de distance et en deùpit des attraits de la culture moderne, il demeure pour les uns une sorte d' encyclopeùdie de la langue vietnamienne ou une sorte de Bible litteùraire, pour les autres, un code de civisme et de morale, enfin, pour tout le monde, un manuel de bouddhisme eùleùmentaire et pratique. Ayant acceøs dans tous les milieux sociaux, eùgalement adoreù des hommes et des femmes, le KIM VAÂN KIEÀU apporta et apporte aø tous la lumieøre du Salut, en eùveillant l'attention sur les inexorables reùactions karmiques, en chantant la paix inteùrieure promise aø toute vie exempte de passions, en mettant les gens en garde contre les reùincarnations deùfavorables s'ils agissent mal. Tout cela peut paraître terre aø terre, mais ils ne demandent pas davantage les esprits simples pour qui les religions semblent fondeùes. Notons, avant de terminer ce bref exposeù, que l'infuence du Bouddhisme continue encore de nos jours aø animer le theùaâtre, aø servir de toile de fond aø certains bonnes coutumes, aø inspires contes et leùgendes, enfin, aø

118 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

suggeùrer des chansons populaires et des proverbes. Si le Bouddhisme est la source ouø s'abreuvent les intellectuels, c'est aussi de son suc que se nourrissent les aâmes eùprises de spiritualiteù, c'est aø son eùcole de sagesse que s'eùveillent des esprits endormis par les passions, c'est aø l'illumination de son illustre fondateur que le Vietnamien apprend aø se retrouver, aø se reconnaître, c'est enfin sous les toits de ses monasteøres que les deùvots se recueillent et que les malheureux cherchent la consolation. Parce qu'il est meâleù si intimement aø leur existence, aø leurs preùoccupations de tous les jours, le Bouddhisme est pour les Vietnamiens une necessiteù vitale. C'eùtait une religion eùtrangeøre, c'est maintenant une religion nationale.

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 119

Cuoäc ñaáu tranh muøa Phaùp naïn 1963 choáng cheá ñoä ñoäc taøi Ngoâ Ñình Dieäm

120 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Cuoäc ñaáu tranh muøa Phaùp naïn 1963 choáng cheá ñoä ñoäc taøi Ngoâ Ñình Dieäm

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 121

Cuoäc ñaáu tranh muøa Phaùp naïn 1963 choáng cheá ñoä ñoäc taøi Ngoâ Ñình Dieäm

122 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

Cuoäc ñaáu tranh muøa Phaùp naïn 1963 choáng cheá ñoä ñoäc taøi Ngoâ Ñình Dieäm

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 123

MUÏC LUÏC

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM Phaät giaùo Vieät Nam 9 – Thôøi kyø du nhaäp 9 – Thôøi kyø phaùt trieån 10 – Thôøi kyø suy suïp 18 – Phaät giaùo caän ñaïi 21 – Nhöõng aûnh höôûng cuûa Phaät giaùo trong tö töôûng vaø ñôøi soáng ngöôøi Vieät 26 – Ngöôøi Vieät Nam quan nieäm vaø thöïc haønh ñaïo Phaät nhö theá naøo? 28 – Tình hình hieän taïi 30 Nhöõng ñoùng goùp cuûa Phaät giaùo cho neàn myõ ngheä, vaên chöông vaø trieát hoïc ôû Vieät Nam 36

BUDDHISM IN VIETNAM Buddhism in Vietnam 49 Buddhism’s Constribution to Art, Letters and Phylosophy in Vietname 75

124 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

LE BOUDDHISME AU VIETNAM Le Bouddhisme au Vietnam 88 Contribution du Bouddhisme aø l’art, aux lettres et aø la philosophie au Vietnam 117

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 125

1. Cö só Laâm Hoaøng Loäc 500 boä
2. Chuøa Phaät hoïc Xaù Lôïi 400 boä
3. Cö só Traàn Ñöùc Haï 100 boä
4. Quyõ aán toáng Hoa Sen 500 boä

5. Cö só Traàn Phi Huøng 100 boä
126 PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM

CHAÙNH TRÍ MAI THOÏ TRUYEÀN 127

PHAÄT GIAÙO VIEÄT NAM
Mai Thoï Truyeàn
NHAØ XUAÁT BAÛN TOÂN GIAÙO
Yeân Hoøa – Caàu Giaáy – Haø Noäi
ÑT: 04-37822845 – Fax: (04).37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chòu traùch nhieäm xuaát baûn
NGUYEÃN COÂNG OAÙNH
Bieân taäp
ÑOÃ THÒ QUYØNH
Trình baøy
NGOÏC HUEÄ
Bìa
TUÙ MINH
Söûa baûn in tieáng Vieät
TRAÀN ÑÖÙC HAÏ
Söûa baûn in tieáng Anh
HOAØNG TAÂN
Söûa baûn in tieáng Phaùp
TOÁNG HOÀ CAÀM
Ñôn vò lieân keát: Coâng ty vaên hoùa Phaùt Quang

Soá löôïng in 1.000 baûn, khoå 14,5x20,5cm. In taïi Coâng ty coå phaàn in Khuyeán Hoïc phía Nam. Soá xuaát baûn 412- 2011/CXB/09-77/TG, kyù ngaøy 29/7. In xong vaø noäp löu chieåu quyù 4 naêm 2011.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.